

BỘ 10 ĐỀ THI GIỮA HỌC KÌ 1 MÔN ĐỊA LÝ 12 NĂM 2021-2021

1. Đề cương ôn tập giữa HK1 Địa lý 12

A. Kiến thức

I. Vị trí địa lí

1. Vị trí địa lí
2. Phạm vi lãnh thổ
3. Ý nghĩa của vị trí địa lí nước ta

II. Thiên nhiên chịu ảnh hưởng sâu sắc của biển

1. Đặc điểm biển đông
2. Ảnh hưởng của biển đông đến tự nhiên việt nam

III. Đất nước nhiều đồi núi

1. Đặc điểm chung của địa hình nước ta
2. Khu vực đồi núi
3. Khu vực đồng bằng
4. Thế mạnh và hạn chế về tự nhiên của các khu vực địa hình trong phát triển kinh tế - xã hội

IV. Thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa

1. Khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa
2. Tính chất nhiệt đới ẩm gió mùa của các thành phần tự nhiên khác

B. Kỹ năng

I. Kỹ năng biểu đồ

- Biết nhận dạng biểu đồ cần vẽ đối với từng loại bảng số liệu theo yêu cầu.
- Biết được các yêu cầu khi vẽ các dạng biểu đồ.
- Biết cách xử lí bảng số liệu phù hợp trước khi vẽ biểu đồ.
- Biết cách nhận xét với từng dạng biểu đồ.

II. Kỹ năng xử lý bảng số liệu

- Biết cách xử lý từng dạng bảng số liệu theo yêu cầu.
- Biết nhận xét, phân tích từng dạng bảng số liệu theo yêu cầu.

III. Kỹ năng sử dụng atlas

- Biết cách đọc atlas theo yêu cầu.
- Biết phân tích, giải thích sự phân bố của các đối tượng địa lí trên atlas.
- Biết cách khai thác các biểu – bảng trên atlas.

C. Bài tập trắc nghiệm

Câu 1. Vị trí nằm hoàn toàn trong vùng nhiệt đới bán cầu Bắc đã mang lại cho khí hậu nước ta đặc điểm nào dưới đây?

- A. Lượng mưa trong năm lớn
- B. Có nền nhiệt độ cao
- C. Có bốn mùa rõ rệt
- D. Thường xuyên chịu ảnh hưởng của gió mùa

Câu 2. Nước ta dễ dàng giao lưu với các nước trên thế giới do

- A. Nằm trong vùng nội chí tuyến có nền nhiệt độ cao
- B. Ở nơi giao thoa giữa các nền văn minh khác nhau
- C. Gần ngã tư đường hàng không, hàng hải quốc tế
- D. Có đường bờ biển dài, nhiều vùng, vịnh, cửa sông

Câu 3. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 4 – 5, hãy cho biết điểm cực Bắc của nước ta thuộc tỉnh nào?

- A. Cao Bằng.
- B. Lào Cai
- C. Hà Giang.
- D. Điện Biên.

Câu 4. Thiên nhiên nước ta bốn mùa xanh tươi khác hẳn với các nước có cùng độ vĩ ở Tây Á, châu Phi là nhờ:

- A. Nước ta nằm tiếp giáp Biển Đông với chiều dài bờ biển trên 3260 km.
- B. Nước ta nằm ở trung tâm vùng Đông Nam Á.
- C. Nước ta nằm hoàn toàn trong vùng nội chí tuyến.

D. Nước ta nằm ở vị trí tiếp giáp của nhiều hệ thống tự nhiên.

Câu 5. Đường bờ biển của nước ta dài 3260 km, chạy từ

A. Tỉnh Lạng Sơn đến tỉnh Kiên Giang

B. Tỉnh Quang Ninh đến tỉnh Cà Mau

C. Tỉnh Lạng Sơn đến tỉnh Cà Mau

D. Tỉnh Quảng Ninh đến tỉnh Kiên Giang

Câu 6. Nhờ tiếp giáp biển nên nước ta có

A. nhiều tài nguyên khoáng vật và sinh vật

B. nền nhiệt độ cao nhiều ánh nắng

C. thiên nhiên xanh tốt giàu sức sống

D. khí hậu hai mùa rõ rệt

Câu 7. Vị trí nằm hoàn toàn trong vùng nhiệt đới bán cầu Bắc đã mang lại cho khí hậu nước ta đặc điểm nào dưới đây?

A. Có nền nhiệt độ cao

B. Có bốn mùa rõ rệt

C. Lượng mưa trong năm lớn

D. chịu ảnh hưởng của gió mùa

Câu 8. Nước ta có nhiều tài nguyên khoáng sản là do vị trí địa lí:

A. Trên đường di lưu và di cư của nhiều loài động, thực vật.

B. Tiếp giáp với biển Đông.

C. Ở khu vực gió mùa điển hình nhất thế giới.

D. Trên vành đai sinh khoáng châu Á – Thái Bình Dương.

Câu 9. Đặc điểm của thiên nhiên nhiệt đới - ẩm - gió mùa của nước ta là do :

A. Vị trí địa lí và hình dáng lãnh thổ quy định.

B. Sự phân hóa phức tạp của địa hình vùng núi, trung du và đồng bằng ven biển.

C. Ảnh hưởng của các luồng gió thổi theo mùa từ phương bắc xuống và từ phía nam lên.

D. Ảnh hưởng của Biển Đông cùng với các bức chắn địa hình

Câu 10. Điểm cực Bắc phần đất liền nước ta ở vĩ độ $23^{\circ} 23' B$ tại xã Lũng Cú, huyện Đồng Văn, thuộc tỉnh

A. Cao Bằng

B. Lạng Sơn

C. Hà Giang

D. Lào Cai

Câu 11. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 4 – 5, hãy cho biết tỉnh, thành phố nào sau đây không giáp biển Đông?

- A. Hà Nam B. Quảng Ngãi. C. Phú Yên. D. Hải Dương.

Câu 12. Điểm cực Đông phần đất liền ở kinh độ $109^{\circ}24Đ$ tại xã Vạn Thạch, huyện Vạn Ninh, thuộc tỉnh

- A. Phú Yên B. Quảng Ninh C. Bình Định D. Khánh Hòa

Câu 13. Nước ta có vị trí nằm hoàn toàn trong vùng nhiệt đới ở bán cầu Bắc, trong khu vực ảnh hưởng của chế độ gió Mậu dịch và gió mùa châu Á, nên:

- A. Khí hậu có hai mùa rõ rệt. B. Có nhiều tài nguyên sinh vật quý giá.
C. Thảm thực vật bốn mùa xanh tốt. D. Có nhiều tài nguyên khoáng sản.

Câu 14. Thế mạnh của vị trí địa lí nước ta trong khu vực Đông Nam Á sẽ được phát huy cao độ nếu biết kết hợp xây dựng các loại hình giao thông vận tải:

- A. Đường ô tô và đường sắt. B. Đường ô tô và đường biển.
C. Đường hàng không và đường biển. D. Đường biển và đường sắt.

Câu 15. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 4 – 5, hãy cho biết tỉnh, thành phố nào của nước ta là “Ngã ba Đông Dương”?

- A. Đà Nẵng. B. Kon Tum. C. Đắk Lắk. D. Gia Lai.

Câu 16. Điểm cực Tây phần đất liền ở kinh độ $102^{\circ}09Đ$ tại xã Sín Thầu, huyện Mường Nhé, thuộc tỉnh

- A. Lai Châu B. Điện Biên C. Sơn La D. Hòa Bình

Câu 17. Điểm cực Nam phần đất liền nước ta ở vĩ độ $8^{\circ}34N$ tại xã Đất Mũi, huyện, Ngọc Hiển, tỉnh

- A. Cà Mau B. Kiên Giang C. Bạc Liêu D. An Giang

Câu 18. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 4 – 5, hãy cho biết tỉnh thành nào có diện tích nhỏ nhất nước ta?

- A. Thái Bình. B. Ninh Bình. C. Hà Nam D. Bắc Ninh.

Câu 19. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 4 – 5, hãy cho biết đường biên giới nước ta với nước nào dài nhất?

- A. Brunay. B. Lào. C. Trung Quốc. D. Campuchia.

Câu 20. Vùng tiếp giáp với đất liền, ở phía trong đường cơ sở là

- A. Lãnh hải
B. Vùng đặc quyền về kinh tế
C. Vùng tiếp giáp lãnh hải
D. Nội thủy

2. Đề thi giữa học kì 1 Địa lý 12

2.1. Đề thi giữa học kì 1 môn Địa lý 12 - Số 1

TRƯỜNG THPT DUY TÂN

ĐỀ THI GIỮA HK1

NĂM HỌC: 2021-2022

MÔN: ĐỊA LÝ 12

Thời gian: 45 phút (không kể thời gian giao đề)

Câu 1: Điểm nào sau đây *không đúng* với đồng bằng sông Cửu Long?

- A. Địa hình cao ở rìa phía đông và tây bắc, thấp dần về phía biển.
B. Là đồng bằng châu thổ sông.
C. Được bồi đắp phù sa hàng năm của sông Tiền và sông Hậu.
D. Có mạng lưới kênh rạch chằng chịt.

Câu 2: Vùng biển mà nước ta có quyền thực hiện các biện pháp an ninh quốc phòng, kiểm soát thuế quan, các quy định về y tế, môi trường nhập cư,... là vùng

- A. lãnh hải.
B. thềm lục địa.
C. tiếp giáp lãnh hải.
D. vùng đặc quyền về kinh tế.

Câu 3: Cảng nước sâu nào sau đây *không* thuộc địa phận miền Trung?

- A. Nghi Sơn.
B. Hải Phòng.
C. Vũng Áng.
D. Dung Quất.

Câu 4: Ranh giới giữa vùng núi Tây Bắc và vùng núi Trường Sơn Bắc là

- A. sông Cả.
B. sông Hồng.
C. dãy Hoàng Sơn.
D. dãy Bạch Mã.

Câu 5: Vùng rộng 200 hải lí tính từ đường cơ sở là

- A. vùng tiếp giáp lãnh hải.
- B. vùng lãnh hải.
- C. vùng đặc quyền về kinh tế.
- D. vùng nội thủy.

Câu 6: Biển Đông được xem như cầu nối giữa hai đại dương nào sau đây?

- A. Thái Bình Dương và Bắc Băng Dương.
- B. Đại Tây Dương và Ấn Độ Dương.
- C. Thái Bình Dương và Đại Tây Dương.
- D. Thái Bình Dương và Ấn Độ Dương.

Câu 7: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 6 - 7, hãy cho biết thêm lục địa của khu vực Nam Trung Bộ có đặc điểm gì nào sau đây?

- A. vùng thêm lục địa mở rộng, đáy nông.
- B. vùng biển nông, rộng.
- C. vùng thêm lục địa hẹp, sâu.
- D. vùng thêm lục địa nông, hẹp.

Câu 8: Điểm nào sau đây *đúng* khi nói về ảnh hưởng của biển Đông đối với khí hậu nước ta?

- A. Biển Đông làm giảm độ lục địa của các vùng phía tây đất nước.
- B. Biển Đông làm giảm độ ẩm tương đối của không khí.
- C. Biển Đông làm tăng độ lạnh của gió mùa Đông Bắc.
- D. Lượng mưa lớn của nước ta không phải do Biển Đông mang lại.

Câu 9: Khỏi núi Kon Tum nằm trong vùng núi nào ở nước ta?

- A. Đông Bắc.
- B. Trường Sơn Nam.
- C. Tây Bắc.
- D. Trường Sơn Bắc.

Câu 10: Cho bảng số liệu:

Lượng mưa, lượng bốc hơi và cân bằng ẩm của một số địa điểm

Địa điểm	Lượng mưa (mm)	Lượng bốc hơi (mm)	Cân bằng ẩm (mm)
Hà Nội	1667	989	+ 678
Huế	2868	1000	+ 1868
TP. Hồ Chí Minh	1931	1686	+ 245

Nhận xét nào sau đây đúng?

- A. Huế có lượng mưa lớn thứ hai.
- B. Cân bằng ẩm của ba địa điểm ít có sự chênh lệch.
- C. Hà Nội có cân bằng ẩm lớn thứ hai.
- D. Lượng mưa tăng dần từ Bắc vào Nam.

Câu 11: Biển Đông có đặc điểm nào dưới đây?

- A. Nằm trong vùng nhiệt đới ẩm gió mùa.
- B. Là một trong các biển nhỏ ở Thái Bình Dương.
- C. Nằm ở phía Đông của Thái Bình Dương.
- D. Phía đông và đông nam mở ra đại dương.

Câu 12: Các bộ phận thuộc vùng biển nước ta theo thứ tự từ trong ra ngoài là:

- A. Nội thủy, lãnh hải, tiếp giáp lãnh hải, đặc quyền kinh tế và thềm lục địa
- B. Lãnh hải, tiếp giáp lãnh hải, nội thủy và thềm lục địa
- C. Đường cơ sở, lãnh hải, thềm lục địa và đặc quyền kinh tế
- D. Nội thủy, lãnh hải, tiếp giáp lãnh hải, đường cơ sở và đặc quyền kinh tế

Câu 13: Ở vùng biển này nhà nước ta có chủ quyền hoàn toàn về thăm dò, khai thác, bảo vệ và quản lí tài nguyên thiên nhiên là vùng:

- A. Thềm lục địa
- B. Tiếp giáp lãnh hải
- C. Vùng đặc quyền kinh tế
- D. Nội thủy

Câu 14: Ở nước ta thời tiết mùa đông bớt lạnh khô, mùa hè bớt nóng bức là nhờ:

- A. Nằm gần Xích đạo, mưa nhiều.
- B. Địa hình 85% là đồi núi thấp.
- C. Ảnh hưởng của gió Tín Phong.

D. Tiếp giáp với Biển Đông.

Câu 15: Vùng biển nước ta rộng bao nhiêu km²?

A. Rộng khoảng 0,5 triệu km².

B. Rộng khoảng 1 triệu km².

C. Rộng khoảng 1,5 triệu km².

D. Rộng khoảng 2 triệu km².

Câu 16: Biển Đông giàu về loại tài nguyên khoáng sản nào sau đây?

A. Dầu khí, than đá, quặng sắt.

B. Dầu khí, cát, muối biển.

C. quặng vàng, cát, muối biển.

D. Thủy sản, muối biển.

Câu 17: Quá trình chủ yếu chi phối địa mạo của vùng ven biển của nước ta là:

A. Xâm thực.

B. Mài mòn.

C. Bồi tụ.

D. Xâm thực - bồi tụ.

Câu 18: Tác động toàn diện của Biển Đông lên khí hậu nước ta là:

A. Mang lại cho nước ta lượng mưa và độ ẩm lớn.

B. Làm cho khí hậu nước ta mang đặc tính khí hậu hải dương nên điều hòa hơn.

C. Làm giảm tính chất khắc nghiệt của thời tiết lạnh, khô trong mùa đông.

D. Làm giảm bớt thời tiết nóng bức trong mùa hạ.

Câu 19: Vân Phong là vịnh biển thuộc tỉnh (thành) nào sau đây:

A. Quảng Ninh.

B. Đà Nẵng.

C. Khánh Hoà.

D. Bình Thuận.

Câu 20: Đặc điểm của Biển Đông có ảnh hưởng nhiều nhất đến thiên nhiên nước ta là:

A. Nóng, ẩm và chịu ảnh hưởng của gió mùa.

B. Có diện tích lớn gần 3,5 triệu km².

C. Biển kín với các hải lưu chạy khép kín.

D. Có thêm lục địa mở rộng hai đầu thu hẹp ở giữa.

Câu 21: Nước ta có nguồn tài nguyên sinh vật phong phú vì

A. nằm ở vị trí tiếp giáp giữa lục địa và hải dương trên vành đai sinh khoáng của thế giới.

B. nằm hoàn toàn trong miền nhiệt đới Bắc bán cầu thuộc khu vực Châu Á gió mùa.

C. lãnh thổ kéo dài nên thiên nhiên có sự phân hóa đa dạng.

D. nằm ở vị trí tiếp giáp giữa lục địa và hải dương trên đường di lưu của các loài sinh vật.

Câu 22: Căn cứ vào át lát địa lý trang 4-5 hãy cho biết Điểm cực Nam nước ta thuộc tỉnh?

A. Sóc Trăng.

B. Kiên Giang.

C. Cà Mau.

D. Bạc Liêu.

Câu 23: Phần đất liền nước ta nằm trong hệ tọa độ địa lí?

A. 23⁰20'B - 8⁰30'B và 102⁰09'Đ - 109⁰24'Đ.

B. 23⁰23'B - 8⁰34'B và 102⁰09'Đ - 109⁰20'Đ.

C. 23⁰23'B - 8⁰30'B và 102⁰09'Đ - 109⁰24'Đ.

D. 23⁰23'B - 8⁰34'B và 102⁰09'Đ - 109⁰24'Đ.

Câu 24: Căn cứ vào át lát địa lý trang 4-5 hãy cho biết, Việt Nam không có đường biên giới trên biển với nước nào?

A. Lào.

D. Campuchia.

C. Trung Quốc.

B. Thái Lan, Trung Quốc.

Câu 25: Do nằm trong khu vực nhiệt đới ẩm, gió mùa nên thiên nhiên nước ta có?

A. Sinh vật đa dạng.

B. Đất đai rộng lớn và phì nhiêu.

C. Khoáng sản phong phú, trữ lượng lớn. D. Khí hậu ôn hoà, dễ chịu.

Câu 26: So với các nước cùng một vĩ độ, nước ta có nhiều lợi thế hơn hẳn về?

- A. Phát triển cây cà phê, cao su, ca cao.
B. Trồng các loại lúa gạo, cà phê, cao su.
C. Trồng được các loại nho, cam, ô liu, chà là như Tây Á.
D. Trồng được lúa mì, ngô, khoai.

Câu 27: Nước ta có sự đa dạng về bản sắc dân tộc là do

- A. đang diễn ra những hoạt động kinh tế sôi động.
B. giao tiếp của hai vành đai sinh khoáng lớn.
C. giao nhau của các luồng sinh vật Bắc, Nam.
D. có sự gặp gỡ nghiêng nền văn minh lớn á, Âu với văn minh bản địa.

Câu 28: Vị trí địa lý đã qui định đặc điểm nào của thiên nhiên nước ta?

- A. Nhiệt đới ẩm gió mùa. B. Nhiệt đới ẩm.
C. Nhiệt đới khô hạn. D. Nhiệt đới gió mùa.

Câu 29: Đồng bằng sông Cửu Long có đặc điểm

- A. tổng diện tích khoảng 15000km². B. bị chia cắt nhiều bởi các đê ven sông.
C. có mạng lưới kênh rạch chằng chịt. D. có các ruộng bậc cao bạc màu.

Câu 30: Căn cứ vào lát địa lý trang 4-5 hãy cho biết Vân Phong và Cam Ranh là 2 vịnh thuộc tỉnh

- A. Bình Thuận. B. Đà Nẵng. C. Khánh Hòa. D. Quảng Ninh.

Câu 31: Sự khác biệt rõ rệt giữa vùng núi Đông Bắc và Tây Bắc là ở đặc điểm

- A. Giá trị về kinh tế B. Hướng nghiêng
C. Độ cao và hướng núi D. Sự tác động của con người

Câu 32: Tổng diện tích phần đất của nước ta (theo Niên giám thống kê 2006) là (km²)

- A. 331 214 B. 331 213 C. 331 210. D. 331 212

Câu 33: Nước ta nằm ở vùng nhiệt đới Bắc bán cầu nên

- A. có sự phân hóa đa dạng về tự nhiên. B. nhiệt độ cao, chan hòa ánh nắng
C. khí hậu có 2 mùa rõ rệt D. tài nguyên khoáng sản phong phú

Câu 34: Ý nào là *không đúng* khi nói về biển Đông.

- A. có nhiệt độ thấp hơn trên đất liền vào mùa hè
B. có nhiệt độ cao hơn trong đất liền vào mùa Đông
C. phía bắc của biển Đông vào mùa Đông có xảy ra tuyết rơi
D. là một vùng Biển nhiều bão trên Thế giới

Câu 35: Sông lớn nhất ở vùng núi Tây bắc nước ta

- A. sông Hồng B. sông Cả C. sông Đà D. sông Mã

Câu 36: Đồng bằng sông Cửu Long có tỷ lệ đất bị phèn - mặn nhiều là do

- A. Diện tích rộng so với các đồng bằng khác B. Địa hình bằng phẳng, thấp và ít đê
C. Do nằm ở hạ lưu sông Mê Công D. Nằm trong đồng bằng Nam bộ

Câu 37: Đặc điểm nào *không phải* địa hình vùng ven Biển nước ta

- A. bờ biển mài mòn B. các tam giác châu, bãi triều rộng
C. các vịnh cửa sông D. thềm lục địa rộng

Câu 38: Ranh giới giữa vùng núi Tây bắc và vùng núi Đông bắc

- A. sông Mã B. sông Cả
C. sông Đà D. sông Hồng

Câu 39: Đặc điểm nào sau đây *không đúng* về vùng nội thủy của nước ta

- A. được tính từ mép nước thủy triều thấp nhất đến đường cơ sở
B. là cơ sở để tính chiều rộng lãnh hải của nước ta
C. là vùng nước tiếp giáp với đất liền, ở phía trong đường cơ sở
D. vùng nội thủy được xem như bộ phận lãnh thổ trên đất liền

Câu 40: Tính chất khí hậu hải dương điều hoà là của nước ta do yếu tố nào quy định?

- A. Vị trí địa lý B. Khí hậu
C. Biển Đông D. Địa hình

2.2. Đề thi giữa học kì 1 môn Địa lý 12 - Số 2

TRƯỜNG THPT THANH ĐÀ

ĐỀ THI GIỮA HK1

NĂM HỌC: 2021-2022

MÔN: ĐỊA LÝ 12

Thời gian: 45 phút (không kể thời gian giao đề)

Câu 1: Điểm cực Tây của nước ta thuộc tỉnh

- A. Lào Cai B. Điện Biên C. Sơn La D. Lai Châu

Câu 2: Quốc gia có chung đường biên giới với Việt Nam cả trên biển và đất liền là?

- A. Lào B. Thái Lan C. Mianma D. Trung Quốc

Câu 3: Núi (đỉnh núi) nào nằm ở vùng núi Đông Bắc

- A. Núi Tây Côn Lĩnh B. Núi Phanxipăng C. Núi Trường sơn D. Núi Bạch Mã

Câu 4: Nguyên nhân chính tạo cho khí hậu nước ta có tính chất nhiệt đới

- A. có độ ẩm cao B. có mưa nhiều
C. nằm trong vùng nội chí tuyến D. có nhiệt độ cao.

Câu 5: Khu vực có địa hình nhiều Cao nguyên nhất nước ta đó là

- A. Vùng núi Trường Sơn Nam B. Vùng núi Trường Sơn Bắc
C. Vùng núi Tây Bắc D. Vùng núi Đông Bắc.

Câu 6: Đặc điểm nào **không đúng** với địa hình Việt Nam

- A. Đồi núi chiếm $\frac{3}{4}$ diện tích, có sự phân bậc rõ rệt

- B. Cao ở phía Tây Bắc thấp dần về phía Đông Nam
- C. Địa hình chịu tác động mạnh mẽ của con người
- D. Đồi núi chiếm $\frac{3}{4}$ diện tích, phần lớn là núi cao trên 2000m

Câu 7: Sông Mã nằm ở khu vực địa hình núi

- A. Tây Bắc B. Đông Bắc C. Trường Sơn Nam D. Trường Sơn Bắc

Câu 8: Dạng địa hình nào sau đây ở vùng ven biển rất thuận lợi cho xây dựng cảng biển?

- A. Các vũng, vịnh nước sâu B. Các bờ biển mài mòn
- C. Nhiều bãi ngập triều D. Vịnh cửa sông

Câu 9: Ở nước ta thời tiết mùa đông bớt lạnh khô, mùa hè bớt nóng bức là do nguyên nhân nào?

- A. Chịu tác động thường xuyên của gió mùa
- B. Nằm gần xích đạo, mưa nhiều
- C. Địa hình 85% là đồi núi thấp
- D. Tiếp giáp với Biển Đông (trên 3260 km bờ biển)

Câu 10: Đường biên giới trên đất liền giữa Việt Nam và Trung Quốc dài

- A. 2100 km B. 1400 km C. 1100 km D. 4600 km

Câu 11: Điểm nào sau đây không đúng với hệ sinh thái rừng ngập mặn?

- A. Cho năng suất sinh vật cao. B. Có nhiều loài cây gỗ quý.
- C. Giàu tài nguyên động vật. D. Phân bố ở ven biển.

Câu 12: Ở nước ta mùa đông bớt lạnh, mùa hạ bớt nóng là do?

- A. Địa hình 85% là núi thấp. B. Tiếp giáp với biển Đông.
- C. Nằm gần xích đạo, mưa nhiều. D. Chịu tác động thường xuyên của gió mùa.

Câu 13: Đặc điểm của Biển Đông ảnh hưởng nhiều nhất đến thiên nhiên nước ta là?

- A. Nóng ẩm và chịu ảnh hưởng của gió mùa.
- B. Có diện tích lớn gần 3,5 triệu km.

C. Có thêm lục địa mở rộng hai đầu thu hẹp ở giữa.

D. Biển kín với các hải lưu chảy khép kín.

Câu 14: Vùng cực Nam Trung Bộ là nơi có nghề làm muối rất lí tưởng vì?

A. Có thêm lục địa thoải thoải kéo dài Sang tận Ma- lai- xi- a.

B. Có những hệ núi cao ăn lan ra biển nên bờ biển khúc khuỷu.

C. Có nhiệt độ cao, nhiều nắng, Chỉ có vài sông nhỏ đổ ra biển.

D. Không có bão lại ít chịu ảnh hưởng của gió mùa Đông Bắc.

Câu 15: Biển Đông ảnh hưởng nhiều nhất đến thiên nhiên nước ta ở thành phần tự nhiên nào?

A. Cảnh quan ven biển.

B. Sinh vật.

C. Khí hậu.

D. Địa hình.

Câu 16: Cảnh quan rừng nhiệt đới ẩm gió mùa phát triển trên đồi núi thấp là kiểu cảnh quan chiếm ưu thế của nước ta vì?

A. Nước ta nằm tiếp giáp Biển Đông.

B. Nước ta nằm trong khu vực Châu Á gió mùa.

C. Đồi núi thấp chiếm 85% diện tích lãnh thổ.

D. Nước ta nằm hoàn toàn trong vùng nội chí tuyến.

Câu 17: Địa hình đồi núi đã làm cho?

A. Thường xuyên nhận được lượng phù sa bồi đắp lớn.

B. Miền núi nước ta có khí hậu mát mẻ thuận lợi để phát triển nông nghiệp.

C. Nước ta giàu có về tài nguyên rừng với 2/4 diện tích lãnh thổ.

D. Sông ngòi nước ta có tiềm năng thủy điện lớn.

Câu 18: Trở ngại lớn nhất của địa hình đồi núi đối với sự phát triển kinh tế- xã hội của nước ta là?

A. Địa hình bị chia cắt mạnh, nhiều sông suối, hẻm vực gây trở ngại cho giao thông.

B. Địa hình dốc, đất dễ bị xói mòn, lũ quét, lũ nguồn dễ xảy ra.

C. Động đất dễ xảy phát sinh ở những vùng đứt gãy sâu.

D. Thiếu đất canh tác, thiếu nước nhất là ở vùng núi đá vôi.

Câu 19: Dựa vào át lát địa lí trang 6-7, đặc điểm nào sau đây không phải là địa hình của vùng núi Tây Bắc là?

A. Có địa hình cao nhất cả nước.

B. Có 3 mạch núi lớn hướng Tây Bắc – Đông Nam.

C. Có nhiều dãy núi cao đồ sộ nhất nước ta.

D. Có 4 cánh cung lớn.

Câu 20: Nguyên nhân cơ bản tạo nên sự phân hóa đa dạng của thiên nhiên nước ta là do?

A. Nước ta là nước nhiều đồi núi.

B. Nước ta có khí hậu nhiệt đới ẩm.

C. Nước ta nằm tiếp giáp với Biển Đông.

D. Nước ta nằm trong khu vực chịu tác động của gió mùa.

Câu 21: Tính chất nhiệt đới của khí hậu nước ta được quy định bởi vị trí:

A. Thuộc châu Á.

B. Nằm ven biển Đông, phía tây Thái Bình Dương.

C. Nằm trong vùng nội chí tuyến.

D. Nằm trong vùng khí hậu gió mùa.

Câu 22: Gió mùa đông hoạt động ở nước ta trong thời gian nào?

A. Từ tháng 5 đến tháng 10.

B. Từ tháng 6 đến tháng 12.

C. Từ tháng 11 đến tháng 4 năm sau.

D. Từ tháng 12 đến tháng 6 năm sau.

Câu 23: Gió đông bắc thổi ở vùng phía nam đèo Hải Vân vào mùa đông thực chất là:

A. Gió mùa mùa đông nhưng đã biến tính khi vượt qua dãy Bạch Mã.

- B. Gió địa phương hoạt động thường xuyên suốt năm giữa biển và đất liền.
- C. Gió tín phong ở nửa cầu Bắc hoạt động thường xuyên suốt năm.
- D. Gió mùa mùa đông xuất phát từ cao áp ở lục địa châu Á.

Câu 24: Khu vực chịu tác động mạnh nhất của gió mùa Đông bắc ở nước ta là:

- A. Đồng bằng sông Hồng.
- B. Vùng núi Tây Bắc.
- C. Vùng núi Đông Bắc.
- D. Vùng núi Trường Sơn Bắc.

Câu 25: Kiểu rừng đặc trưng của nước ta hiện nay là:

- A. Rừng rậm nhiệt đới ẩm lá rộng thường xanh.
- B. Rừng gió mùa thường xanh.
- C. Rừng gió mùa nửa rụng lá.
- D. Rừng ngập mặn thường xanh ven biển.

Câu 26: Ở nước ta, Tín phong hoạt động mạnh nhất vào thời gian nào?

- A. Giữa mùa gió Đông Bắc.
- B. Giữa mùa Gió Tây Nam.
- C. Đầu mùa gió Đông Bắc và giữa mùa gió Tây Nam.
- D. Chuyển tiếp giữa hai mùa gió.

Câu 27: Trong chế độ khí hậu, ở miền Bắc phân chia thành 2 mùa là:

- A. Mùa đông lạnh, nhiều mưa và mùa hạ nóng, ít mưa.
- B. Mùa đông ẩm áp, ít mưa và mùa hạ mát mẻ, ít mưa.
- C. Mùa đông lạnh, ít mưa và mùa hạ nóng ẩm, mưa nhiều.
- D. Mùa đông ẩm áp, ít mưa và mùa hạ mát mẻ, mưa nhiều.

Câu 28: So với Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh thì Huế là nơi có cân bằng ẩm lớn nhất. Nguyên nhân chính là:

- A. Huế là nơi có lượng mưa trung bình năm lớn nhất nước ta.
- B. Huế có lượng mưa lớn nhưng bốc hơi ít do mưa nhiều vào mùa thu đông.
- C. Huế có lượng mưa không lớn nhưng mưa thu đông nên ít bốc hơi.
- D. Huế có lượng mưa khá lớn nhưng mùa mưa trùng với mùa lạnh nên ít bốc hơi.

Câu 29: Vì sao nước ta có lượng mưa lớn, trung bình 1500 – 2000 mm/năm?

- A. Tín phong mang mưa tới.
- B. Nhiệt độ cao nên lượng bốc hơi lớn.
- C. Các khối không khí qua biển mang ẩm vào đất liền.
- D. Địa hình cao đón gió gây mưa.

Câu 30: Tại sao hình thành các trung tâm mưa ít, mưa nhiều ở nước ta?

- A. Hướng núi.
- B. Độ cao địa hình.
- C. Hoàn lưu gió mùa.
- D. Sự kết hợp giữa địa hình và hoàn lưu gió mùa.

2.3. Đề thi giữa học kì 1 môn Địa lý 12 - Số 3

TRƯỜNG THPT NGUYỄN HIỀN

ĐỀ THI GIỮA HK1

NĂM HỌC: 2021-2022

MÔN: ĐỊA LÝ 12

Thời gian: 45 phút (không kể thời gian giao đề)

Câu 1: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 6 - 7, hãy cho biết đỉnh núi đá vôi đồ sộ nhất vùng Đông Bắc là

- A. Mẫu Sơn. B. Phan xi păng. C. Tây Côn Lĩnh. D. Tam Đảo.

Câu 2: Thiên nhiên nước ta bốn mùa xanh tươi khác hẳn với các nước có cùng độ vĩ ở Tây Á, châu Phi là nhờ

- A. nước ta nằm hoàn toàn trong vùng nội chí tuyến.
B. nước ta có mạng lưới sông ngòi, kênh rạch chằng chịt.
C. nước ta nằm ở gần trung tâm vùng Đông Nam Á.
D. nước ta tiếp giáp Biển Đông, có đường bờ biển dài 3260 km.

Câu 3: Đặc điểm nào sau đây *không đúng* với lãnh thổ nước ta?

- A. Nằm trong vùng ảnh hưởng của gió Mậu dịch.
B. Nằm gần với trung tâm gió mùa Đông Nam Á.
C. Nằm trong vùng có khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa.
D. Nằm hoàn toàn trong vùng nhiệt đới nửa cầu Bắc.

Câu 4: Nước ta nằm hoàn toàn trong vùng nhiệt đới ở bán cầu Bắc nên

- A. có sự phân hóa tự nhiên rõ rệt. B. nền nhiệt độ cao, chan hòa ánh nắng.
C. khí hậu có hai mùa rõ rệt. D. có nhiều tài nguyên sinh vật quý giá.

Câu 5: Đồng bằng sông Cửu Long khác với Đồng bằng sông Hồng ở đặc điểm nào sau đây?

- A. Cao ở rìa đông, thấp ở giữa. B. Phù sa không bồi đắp hàng năm.
C. Thấp và khá bằng phẳng. D. Diện tích nhỏ hơn.

Câu 6: Vùng đất của nước ta là

- A. toàn bộ phần đất liền và các các hải đảo.
B. phần đất liền tiếp giáp biển, nằm ở phía trong đường cơ sở.
C. các hải đảo và vùng đồng bằng ven biển.
D. phần được giới hạn bởi đường biên giới và đường bờ biển.

Câu 7: Việt Nam nằm ở nơi tiếp xúc giữa hai vành đai sinh khoáng và nằm trên đường lưu, di cư của nhiều loài động vật, thực vật nên nước ta có

- A. nhiều loại gỗ quý trong rừng.
- B. tài nguyên khoáng sản và tài nguyên sinh vật phong phú.
- C. đủ các loại khoáng sản chính của khu vực Đông Nam Á.
- D. cả cây nhiệt đới và cây cận nhiệt đới.

Câu 8: Sự khác biệt rõ rệt giữa vùng núi Đông Bắc và Tây Bắc là

- A. giá trị về kinh tế.
- B. hướng nghiêng.
- C. sự tác động của con người.
- D. độ cao và hướng núi.

Câu 9: Đặc điểm chung của vùng đồi núi Trường Sơn Bắc là

- A. gồm các khối núi và cao nguyên ba dan xếp tầng.
- B. địa hình cao nhất nước ta với các dãy núi lớn hướng tây bắc - đông nam.
- C. có các cánh cung lớn mở ra về phía bắc và đông.
- D. gồm các dãy núi song song và so le theo hướng tây bắc - đông nam.

Câu 10: Nét nổi bật nhất của địa hình vùng núi Tây Bắc là

- A. gồm các khối núi và cao nguyên.
- B. có bốn cánh cung lớn.
- C. có nhiều dãy núi cao và đồ sộ nhất nước ta.
- D. địa hình thấp và hẹp ngang.

Câu 11: Với dân số đông, đồng thời gia tăng tự nhiên còn cao đã tạo điều kiện thuận lợi cho việc

- A. Có nguồn lao động dồi dào.
- B. Thị trường tiêu thụ rộng lớn.
- C. Khai thác và sử dụng tài nguyên thiên nhiên hiệu quả hơn.
- D. Có nguồn lao động dồi dào và thị trường tiêu thụ rộng lớn.

Câu 12: Hệ tọa độ địa lí trên đất liền (cực Bắc, cực Nam, cực Tây, cực Đông) của nước ta là

- A. $8^{\circ} 34' B$, $23^{\circ} 23' B$, $102^{\circ} 09' Đ$, $109^{\circ} 24' Đ$
- B. $23^{\circ} 23' B$, $8^{\circ} 34' B$, $109^{\circ} 24' Đ$, $102^{\circ} 09' Đ$
- C. $23^{\circ} 23' B$, $8^{\circ} 34' B$, $102^{\circ} 09' Đ$, $109^{\circ} 24' Đ$

D. $109^{\circ} 24'Đ, 102^{\circ} 09'Đ, 8^{\circ} 34'B, 23^{\circ} 23'B$.

Câu 13: Biểu hiện nào sau đây *không đúng* về tính chất nhiệt đới của nước ta?

- A. Số giờ nắng cao
B. Nhiệt độ trung bình trên $20^{\circ}C$
C. Cân bằng ẩm luôn dương
D. Cán cân bức xạ luôn dương

Câu 14: Thiên nhiên nước ta bốn mùa xanh tươi khác hẳn với các nước có cùng độ vĩ ở Tây Á, châu Phi là nhờ

- A. nước ta nằm ở trung tâm vùng Đông Nam Á.
B. nước ta nằm ở vị trí tiếp giáp của nhiều hệ thống tự nhiên.
C. nước ta nằm hoàn toàn trong vùng nội chí tuyến.
D. nước ta nằm tiếp giáp Biển Đông với chiều dài bờ biển trên 3260 km.

Câu 15: Gia tăng dân số tự nhiên được tính bằng

- A. Tỉ suất gia tăng dân số tự nhiên và gia tăng cơ giới.
B. Tỉ suất sinh trừ tỉ suất tử.
C. Tỉ suất sinh trừ tỉ suất tử cộng với số người nhập cư.
D. Tỉ suất gia tăng dân số tự nhiên cộng với tỉ lệ xuất cư.

Câu 16: Quỹ thời gian lao động chưa tận dụng triệt để là tình trạng phổ biến hiện nay của

- A. Vùng nông thôn, các xí nghiệp quốc doanh.
B. Các xí nghiệp liên doanh.
C. Các đô thị, các hộ kinh tế gia đình
D. Các xí nghiệp tư nhân.

Câu 17: Nguyên nhân dẫn đến sự chuyển dịch đáng kể lao động từ khu vực Nhà nước sang khu vực ngoài quốc doanh là do

- A. Phù hợp với quá trình chuyển dịch sang nền kinh tế thị trường.
B. Khu vực ngoài quốc doanh có thu nhập cao và ổn định.
C. Kinh tế khu vực ngoài quốc doanh giữ vai trò chủ đạo trong nền kinh tế nước ta

D. Khu vực ngoài quốc doanh chiếm tỉ trọng lớn trong cơ cấu lao động của các thành phần kinh tế.

Câu 18: Đồi núi nước ta bị xâm thực mạnh do

- A. nhiệt ẩm cao, mưa ít, địa hình núi thấp.
- B. mưa nhiều theo mùa, địa hình núi thấp.
- C. mưa nhiều, địa hình đồi núi, mất lớp phủ thực vật.
- D. địa hình đồi núi cao, mưa ít.

Câu 19: Nguyên nhân nào làm cho khí hậu nước ta mang tính nhiệt đới gió mùa?

- A. Nằm tiếp giáp với Biển Đông rộng lớn.
- B. Nằm trong vùng nội chí tuyến, quanh năm nhận được lượng bức xạ lớn.
- C. Nằm trong vùng nội chí tuyến, giáp Biển Đông rộng lớn.
- D. Nằm trong vùng nội chí tuyến, chịu ảnh hưởng mạnh mẽ của các khối khí hoạt.

Câu 20: Khó khăn lớn nhất của thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa đối với sản xuất nông nghiệp là:

- A. sự khác nhau về đặc điểm khí hậu giữa các vùng
- B. tính thất thường của các yếu tố thời tiết và khí hậu
- C. sự phân hóa khí hậu theo chiều bắc nam.
- D. khí hậu có một mùa mưa và một mùa khô

Câu 21: Nội thủy là vùng biển

- A. Có chiều rộng 12 hải lí.
- B. Tiếp liền với lãnh hải và hợp với lãnh hải thành vùng biển rộng 200 hải lí.
- C. Tiếp giáp với đất liền, ở phía trong đường cơ sở.
- D. ở phía ngoài đường cơ sở với chiều rộng 12 hải lí.

Câu 22: Việc thông thương qua lại giữa nước ta với các nước láng giềng chỉ có thể tiến hành thuận lợi ở một số cửa khẩu, vì

- A. thuận tiện cho việc đảm bảo an ninh quốc gia.

- B. phần lớn biên giới nước ta nằm ở miền núi.
- C. phần lớn biên giới chạy theo các đỉnh núi, các hẻm núi.
- D. là nơi có địa hình thuận lợi cho qua lại.

Câu 23: Ý nghĩa to lớn của vị trí địa lí nước ta về mặt kinh tế là

- A. Nằm ở khu vực nhạy cảm với những biến động chính trị trên thế giới.
- B. Có nhiều nét tương đồng về lịch sử, văn hoá - xã hội với các nước trong khu vực.
- C. Nằm trên ngã tư đường hàng hải và hàng không quốc tế.
- D. Có môi giao lưu lâu đời với nhiều nước trong khu vực.

Câu 24: Nước ta không có khí hậu nhiệt đới khô hạn như một số nước có cùng vĩ độ là nhờ:

- A. Nằm ở phía đông nam lục địa Á - Âu.
- B. Nằm trong khu vực nội chí tuyến.
- C. Nằm gần vành đai sinh khoáng Thái Bình Dương.
- D. ở trong khu vực gió mùa châu Á.

Câu 25: Điểm giống nhau giữa đồng bằng sông Hồng và đồng bằng sông Cửu Long là:

- A. Đều là đồng bằng phù sa châu thổ sông.
- B. Đều có 2/3 diện tích đất phèn và đất mặn.
- C. Đều có hệ thống đê ven sông ngăn lũ.
- D. Đều có hệ thống sông ngòi, kênh rạch chằng chịt.

Câu 26: Do biển đóng vai trò chủ yếu trong sự hình thành dải đồng bằng duyên hải miền Trung nên:

- A. đồng bằng phần nhiều hẹp ngang.
- B. đồng bằng bị chia cắt thành nhiều đồng bằng nhỏ.
- C. đất nghèo, nhiều cát, ít phù sa sông.
- D. có một số đồng bằng mở rộng ở các cửa sông lớn

Câu 27: Việc giao lưu kinh tế giữa các vùng miền núi gặp khó khăn thường xuyên chủ yếu là do

- A. địa hình bị chia cắt mạnh. B. động đất xảy ra.
C. khan hiếm nước vào mùa khô. D. thiên tai dễ xảy ra.

Câu 28: Hạn chế lớn nhất của đồng bằng sông Cửu Long là:

- A. Không có hệ thống đê bao bọc. B. Địa hình thấp và bằng phẳng.
C. Diện tích quá hẹp. D. Diện tích đất phèn, đất mặn còn quá nhiều.

Câu 29: Tây Bắc – Đông Nam là hướng chính của

- A. dãy núi Nam Trung Bộ. B. các dãy núi Đông Bắc.
C. Các dãy núi Tây Bắc. D. Dãy núi Hoàng Sơn, Bạch Mã

Câu 30: Đặc điểm nào sau đây **không** đúng với địa hình Việt nam?

- A. Địa hình đồi núi thấp chiếm phần lớn diện tích.
B. Cấu trúc địa hình đa dạng.
C. Địa hình vùng nhiệt đới khô hạn.
D. Địa hình chịu tác động mạnh của con người.

2.4. Đề thi giữa học kì 1 môn Địa lý 12 - Số 4

TRƯỜNG THPT NGUYỄN TRÃI

ĐỀ THI GIỮA HK1

NĂM HỌC: 2021-2022

MÔN: ĐỊA LÝ 12

Thời gian: 45 phút (không kể thời gian giao đề)

Câu 1: Câu nào dưới đây thể hiện mối quan hệ chặt chẽ giữa miền núi với đồng bằng nước ta?

- A. Đồng bằng có địa hình bằng phẳng, miền núi có địa hình cao hiểm trở.
B. Đồng bằng thuận lợi cho cây lương thực, miền núi thích hợp cho cây công nghiệp.
C. Những sông lớn mang vật liệu bào mòn ở miền núi bồi đắp, mở rộng đồng bằng.

D. Sông ngòi phát nguyên từ miền núi cao nguyên chảy qua các đồng bằng.

Câu 2: Cảnh quan rừng nhiệt đới ẩm gió mùa phát triển trên đồi núi thấp là kiểu cảnh quan chiếm ưu thế của nước ta vì:

A. Nước ta nằm hoàn toàn trong vùng nội chí tuyến.

B. Nước ta nằm tiếp giáp Biển Đông.

C. Nước ta nằm trong khu vực châu Á gió mùa.

D. Đồi núi thấp chiếm 85% diện tích lãnh thổ.

Câu 3: Ở nước ta thời tiết mùa đông bớt lạnh khô, mùa hè bớt nóng bức là nhờ:

A. Nằm gần Xích đạo, mưa nhiều.

B. Địa hình 85% là đồi núi thấp.

C. Chịu tác động thường xuyên của gió mùa.

D. Tiếp giáp với Biển Đông.

Câu 4: Biển Đông ảnh hưởng nhiều nhất, sâu sắc nhất đến thiên nhiên nước ta ở lĩnh vực

A. Sinh vật.

B. Địa hình.

C. Khí hậu.

D. Cảnh quan ven biển.

Câu 5: Dạng địa hình nào sau đây ở vùng ven biển rất thuận lợi cho xây dựng cảng biển

A. vịnh, cửa sông.

B. các bờ biển mài mòn.

C. các vũng, vịnh nước sâu.

D. các tam giác châu với bãi triều rộng.

Câu 6: Biểu hiện rõ nhất đặc điểm nóng ẩm của Biển Đông là:

A. Thành phần sinh vật nhiệt đới chiếm ưu thế.

B. Nhiệt độ nước biển khá cao và thay đổi theo mùa.

C. Có các dòng hải lưu nóng hoạt động suốt năm.

D. Có các luồng gió theo hướng đông nam thổi vào nước ta gây mưa.

Câu 7: Dựa vào bảng số liệu:

DIỆN TÍCH, DÂN SỐ ĐỒNG BẰNG SÔNG HỒNG NĂM 2014

Vùng	Diện tích (km ²)	Dân số (nghìn người)
Đồng bằng Sông Hồng	14964,1	19505,8

Hãy cho biết mật độ dân số của Đồng bằng Sông Hồng là bao nhiêu?

- A. 1203,5 người/km². B. 1103,5 người/km².
C. 1403,5 người/km². D. 1303,5 người/km².

Câu 8: Cho bảng số liệu:

Giá trị xuất, nhập khẩu của Nhật Bản giai đoạn 2000 – 2016 (Đơn vị: tỉ USD)

Năm	2000	2001	2004	2009	2016
Xuất khẩu	479,2	403,5	565,7	581,0	645,0
Nhập khẩu	379,0	349,1	454,5	502,0	607,0

Nhận xét nào sau đây **không đúng** về giá trị xuất, nhập khẩu của Nhật Bản giai đoạn 2000 - 2016?

- A. Giá trị xuất khẩu và nhập khẩu đều tăng.
B. Giai đoạn 2000 - 2001 giá trị xuất khẩu giảm nhanh hơn nhập khẩu.
C. Giá trị nhập khẩu tăng chậm hơn xuất khẩu.
D. Giá trị nhập khẩu tăng nhiều hơn xuất khẩu.

Câu 9: Căn cứ vào trang 13 của Atlas địa lí Việt Nam, hãy cho biết miền Tây Bắc và Bắc Trung Bộ không có các cao nguyên nào sau đây?

- A. Tà Phình. B. Sín Chải. C. Kon Tum. D. Mộc Châu.

Câu 10: Căn cứ vào Atlas địa lí Việt Nam trang 12, hãy cho biết ở ven biển và đảo, quần đảo nước ta có những khu dự trữ sinh quyển thế giới nào sau đây?

- A. Cát Bà, Cù Lao Chàm, Côn Đảo. B. Cát Bà, Cù Lao Chàm, Rạch Giá.
C. Cát Bà, Cù Lao Chàm, Núi Chúa. D. Cát Bà, Cù Lao Chàm, Phú Quốc.

Câu 11: Giữa Tây Nguyên và đồng bằng ven biển Trung Bộ có sự đối lập nhau về mùa mưa và mùa khô là do:

- A. ảnh hưởng hướng của các dãy núi. B. ảnh hưởng của biển Đông
C. nằm ở vùng nội chí tuyến D. ảnh hưởng của gió mùa và địa hình

Câu 12: Mưa vào thu đông là đặc điểm khí hậu của

- A. Đông Bắc. B. Miền Trung . C. Tây Bắc. D. Miền Nam

Câu 13: Nguyên nhân làm cho đất đai nước ta dễ bị suy thoái là:

- A. khí hậu nhiệt ẩm cao, mưa theo mùa, địa hình nhiều đồi núi thấp
B. khí hậu nhiệt ẩm cao, mưa theo mùa, địa hình nhiều đồi núi
C. mưa theo mùa, xói mòn nhiều, địa hình nhiều đồi núi
D. địa hình nhiều đồi núi mưa lớn và tập trung vào một mùa.

Câu 14: Vùng nào của nước ta đón nhận lượng mưa nhiều nhất trong suốt thời gian gió mùa mùa hạ hoạt động?

- A. Đồng bằng Nam Bộ và Tây Nguyên. B. Đồng bằng Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ.
C. Tây Nguyên và Nam Trung Bộ. D. Đồng bằng Duyên Hải Miền Trung.

Câu 15: Vùng biển nào mà nước ta có quyền thực hiện các biện pháp bảo vệ an ninh quốc phòng, kiểm soát thuế quan, nhập cư... ?

- A. Tiếp giáp lãnh hải B. Nội thủy
C. Đặc quyền kinh tế D. Lãnh hải

Câu 16: Ý nghĩa to lớn của vị trí địa lý nước ta về mặt kinh tế là

- A. nằm trên ngã tư đường hàng hải và hàng không quốc tế
B. có nhiều nét tương đồng về lịch sử, văn hóa – xã hội với các nước trong khu vực
C. có mối giao lưu lâu đời với nhiều nước trong khu vực.
D. nằm ở khu vực nhạy cảm với những biến động chính trị trên thế giới

Câu 17: Gió phơn Tây Nam hoạt động ở khu vực nào của nước ta?

- A. Duyên hải Nam Trung Bộ
B. Bắc Trung Bộ và phần nam của khu vực Tây Bắc.
C. Tây Nguyên.
D. Đồng bằng Nam Bộ và Tây Nguyên.

Câu 18: Muốn lao động trẻ ở nước ta nhanh chóng trở thành lực lượng sản xuất có hiệu quả thì phương hướng đầu tiên là

- A. Thành lập các trung tâm tư vấn việc làm.
- B. Phát triển ngành tiểu thủ công nghiệp.
- C. Tổ chức hướng nghiệp.
- D. Có kế hoạch giáo dục và đào tạo hợp lí.

Câu 19: Hiện nay ở vùng nào sau đây tập trung nhiều nhất lao động có trình độ chuyên môn kĩ thuật:

- A. Vùng Bắc Trung Bộ.
- B. Vùng Đồng bằng sông Hồng.
- C. Vùng Đông Nam Bộ.
- D. Vùng Duyên hải Nam Trung Bộ

Câu 20: Hệ sinh thái rừng đặc trưng cho khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa là

- A. rừng lá rụng
- B. rừng cận nhiệt và ôn đới.
- C. rừng nhiệt đới lá rộng thường xanh
- D. rừng lá kim

Câu 21: Theo thống kê năm 2014 dân số nước ta 89.708,9 triệu người thì mật độ dân số trung bình của nước ta là:

- A. 249 người/km².
- B. 245 người/km².
- C. 271 người/km².
- D. 254 người/km².

Câu 22: Vấn đề việc làm là một trong những vấn đề kinh tế - xã hội nóng bỏng ở trong các thành phố lớn là do

- A. Sức hút của các đô thị đối với các vùng nông thôn
- B. Sức ép của vấn đề việc làm và môi trường.
- C. Nhiều việc làm, có thu nhập ổn định.
- D. Kinh tế các thành phố tăng trưởng với tốc độ nhanh

Câu 23: Trong khu vực Đông Nam Á thì dân số nước ta đứng sau quốc gia nào?

- A. Sau Indônêxia.
- B. Sau Indônêxia và Philippin.
- C. Sau Indônêxia và Mianma.
- D. Sau Indônêxia và Thái Lan.

Câu 24: Hãy cho biết mật độ dân cư đồng bằng sông Hồng (971 người /km²) gấp bao nhiêu lần đồng bằng sông Cửu Long (431 người /km²)? (năm 2014)

A. Gấp 2,25 lần. B. Gấp 2,3 lần. C. Gấp 2,5 lần. D. Gấp 2,8 lần.

Câu 25. Nhận định nào dưới đây chưa chính xác:

- A. Khi xuất hiện frông, không khí sẽ có sự nhiễu động mạnh
- B. Khi xuất hiện frông, không khí nóng luôn nằm trên khối không khí lạnh
- C. Chỉ có frông nóng gây mưa còn frông lạnh không gây mưa
- D. Khi xuất hiện frông, không khí nóng bị bốc lên cao hình thành mây, gây mưa

Câu 26. Châu lục có tỉ suất gia tăng dân số tự nhiên cao nhất thế giới là:

- A. Châu Á. B. Châu Phi. C. Châu Mỹ. D. Châu Đại Dương.

Câu 27. Hai nhân tố chính ảnh hưởng tới tốc độ dòng chảy của sông là:

- A. Độ dốc và vị trí của sông
- B. Hướng chảy và vị trí của sông
- C. Chiều rộng của sông và hướng chảy
- D. Độ dốc và chiều rộng của lòng sông

Câu 28. Thượng nguồn sông Nin có lưu vực nước khá lớn do:

- A. Nằm trong kiểu khí hậu xích đạo B. Nguồn nước từ lượng băng tuyết tan lớn quanh năm
- C. Nguồn nước ngầm phong phú D. Nằm trong kiểu khí hậu chí tuyến

Câu 29. Hướng thổi thường xuyên của gió Tây ôn đới ở 2 bán cầu là:

- A. Tây Bắc ở bán cầu Bắc và Tây Nam ở bán cầu Nam
- B. Tây Nam ở bán cầu Bắc và Tây Bắc ở bán cầu Nam
- C. Tây Bắc ở cả 2 bán cầu
- D. Tây Nam ở cả 1 bán cầu

Câu 30. Theo các phân loại của Alixóp, số lượng các đới khí hậu trên Trái Đất là:

- A. 6 đới B. 5 đới
- C. 4 đới D. 7 đới

2.5. Đề thi giữa học kì 1 môn Địa lý 12 - Số 5

TRƯỜNG THPT TRẦN SUYỀN

ĐỀ THI GIỮA HK1

NĂM HỌC: 2021-2022

MÔN: ĐỊA LÝ 12

Thời gian: 45 phút (không kể thời gian giao đề)

Câu 1. Xếp theo thứ tự tăng dần về diện tích lưu vực các sông ta sẽ có:

- A. Sông Amadôn, sông Nin, sông Iênitxây, sông Vonga
- B. Sông Nin, sông Iênitxây, sông Amadôn, sông Vonga
- C. Sông Nin, sông Amadôn, sông Vonga, sông Iênitxây
- D. Sông Amadôn, sông Vonga, sông Nin, sông Iênitxây

Câu 2. Nguồn năng lượng chính cung cấp cho vòng tuần hoàn của Nước trên Trái Đất là:

- A. Năng lượng thủy triều.
- B. Năng lượng địa nhiệt.
- C. Năng lượng bức xạ Mặt Trời.
- D. Năng lượng gió.

Câu 3. Giới hạn phía dưới của sinh quyển xuống tận đáy đại dương có độ sâu trên:

- A. 25 km.
- B. 22 km.
- C. 5 km.
- D. 11 km.

Câu 4. Frông ôn đới(FP) là frông hình thành do sự tiếp xúc của 2 khối khí:

- A. Địa cực lục địa và địa cực hải dương
- B. Ôn đới lục địa và ôn đới hải dương
- C. Ôn đới và chí tuyến

D. Địa cực và ôn đới

Câu 5. Loài cây ưa nhiệt thường phân bố ở vùng:

A. Xích đạo, nhiệt đới.

B. Nhiệt đới, ôn đới.

C. Chí tuyến, ôn đới.

D. Ôn đới, xích đạo.

Câu 6. Các khu áp cao thường có mưa rất ít hoặc không có mưa do:

A. Không khí ẩm không bốc lên được lại chỉ có gió thổi đi

B. Có ít gió thổi đến

C. Nằm sâu trong lục địa

D. Chỉ có không khí khô bốc lên cao

Câu 7. Thành phần không khí trên Trái Đất bao gồm :

A. Gồm có khí nitơ, ôxi và các khí khác trong đó có khí nitơ chiếm tỉ lệ lớn nhất

B. Gồm có khí nitơ, ôxi, hơi nước và các khí khác trong đó khí nitơ chiếm tỉ lệ lớn nhất

C. Chỉ có khí, ôxi và hơi nước trong đó khí nitơ chiếm tỉ lệ lớn nhất

D. Gồm có khí nitơ, ôxi, hơi nước và các khí khác trong đó khí ôxi chiếm tỉ lệ lớn nhất

Câu 8. Những khu vực nằm ven dòng biển nóng có mưa nhiều tiêu biểu như:

A. Tây Âu, Đông Braxin

B. Tây Nam Phi, Tây Nam Nam Mĩ

C. Tây Âu, Đông Nam Á

D. Đông Á, Đông Phi

Câu 9. Nhận định nào dưới đây là chưa chính xác:

A. Nhiệt độ nước biển tăng dần từ vĩ độ thấp lên vĩ độ cao

B. Trong khoảng độ sâu từ 0 đến 1000m, nhiệt độ nước biển giảm dần theo độ sâu

C. Nhiệt độ nước ven các dòng biển nóng cao hơn so với khu vực xung quanh

D. Mùa hạ nhiệt độ nước biển cao hơn mùa đông

Câu 10. Hồ tây ở Hà Nội có nguồn gốc hình thành từ:

A. Một miệng núi lửa

B. Một đoạn thượng lưu sông

C. Một khúc uốn của sông

D. Một vụ sụt đất

Câu 11. Frông khí quyển là:

A. Mặt tiếp xúc của 2 khối khí có nguồn gốc khác nhau

B. Mặt tiếp xúc giữa 1 khối khí hải dương với 1 khối khí lục địa

C. Mặt tiếp xúc giữa 2 khối không khí ở vùng ngoại tuyến

D. Mặt tiếp xúc với mặt đất của 1 khối khí

Câu 12. Độ cao địa hình ảnh hưởng đến lượng mưa thể hiện qua đặc điểm:

A. Càng lên cao lượng mưa càng giảm

B. Trong một giới hạn độ cao nhất định, lượng mưa tăng theo độ cao địa hình

C. Trên đỉnh núi thường mưa nhiều hơn so với sườn núi và chân núi

D. Càng lên cao lượng mưa càng tăng

Câu 13. Theo số liệu thống kê năm 2005, mật độ dân số trung bình của thế giới là:

A. 46 người/km².

B. 47 người/km².

C. 49 người/km².

D. 48 người/km².

Câu 14. Năm 2005, khu vực có mật độ dân số cao nhất trên thế giới là:

A. Tây Âu.

B. Đông Nam Á.

C. Đông Á.

D. Trung - Nam Á.

Câu 15: Đặc điểm nào sau đây không phải là đặc điểm của địa hình nước ta:

- A. Đồi núi chiếm $\frac{3}{4}$ diện tích cả nước.
- B. Đồi núi thấp chiếm gần 60% diện tích cả nước.
- C. Đồng bằng chiếm $\frac{2}{3}$ diện tích.
- D. Địa hình có sự phân hóa đa dạng thành nhiều khu vực

Câu 16: Địa hình cao ở rìa phía Tây, Tây Bắc, thấp dần ra biển và bị chia cắt thành nhiều ô là đặc điểm địa hình của:

- A. Đồng bằng ven biển miền Trung.
- B. Đồng bằng sông Cửu Long.
- C. Đồng bằng sông Hồng.
- D. Đồng bằng Nam Bộ

Câu 17: Ảnh hưởng nào sau đây không phải của thiên nhiên khu vực đồng bằng đối với phát triển kinh tế - xã hội?

- A. Cung cấp các nguồn lợi thiên nhiên như thủy sản, lâm sản, khoáng sản.
- B. Là cơ sở để phát triển nền nông nghiệp nhiệt đới, đa dạng hóa cây trồng.
- C. Là điều kiện thuận lợi để tập trung các khu công nghiệp, thành phố.
- D. Địa bàn thuận lợi để phát triển tập trung cây công nghiệp dài ngày.

Câu 18: Nét nổi bật nhất của địa hình vùng núi Tây Bắc là:

- A. Gồm các khối núi và cao nguyên.
- B. Có bốn cánh cung lớn chụm đầu ở Tam Đảo.
- C. Có nhiều dãy núi cao và đồ sộ nhất nước ta.
- D. Địa hình thấp và hẹp ngang.

Câu 19: Sự khác nhau rõ nét của vùng núi Trường Sơn Nam so Trường Sơn Bắc với là:

- A. Địa hình cao hơn.
- B. Tính bất đối xứng giữa hai sườn rõ nét hơn.
- C. Hướng núi vòng cung.

D. Vùng núi gồm các khối núi và cao nguyên

Câu 20: Đường biên giới quốc gia trên biển là đường:

A. nối liền các đảo ven bờ và các mũi đất dọc bờ biển.

B. song song với đường cơ sở, cách đường cơ sở 12 hải lí về phía biển.

C. xác định chủ quyền với diện tích vùng biển rộng hơn 1 triệu km².

D. có ranh giới ngoài cùng chạy theo phía ngoài vùng đặc quyền kinh tế.

Câu 21: Ý nghĩa văn hóa – xã hội của vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ nước ta là:

A. Tạo điều kiện mở cửa, hội nhập, tận dụng các nguồn lực từ bên ngoài.

B. chung sống hòa bình, hợp tác hữu nghị cùng phát triển với các nước.

C. giao lưu quốc tế bằng đường biển, đường hàng không, đường bộ.

D. mở lối ra biển thuận lợi cho khu vực Lào, Thái Lan, Cam Pu Chia.

Câu 22: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 14, hãy cho biết các cao nguyên từ dãy Bạch Mã trở vào Nam theo thứ tự là:

A. Trường Sơn Nam, Kon Tum, PleiKu, Đăk Lăk, Mơ Nông, Lâm Viên.

B. Trường Sơn Nam, Kon Tum, PleiKu, Đăk Lăk, Mơ Nông, Di Linh.

C. Kon Tum, PleiKu, Đăk Lăk, Mơ Nông, Di Linh, Lâm Viên.

D. Kon Tum, PleiKu, Đăk Lăk, Mơ Nông, Lâm Viên, Di Linh.

Câu 23: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 4 - 5, hãy cho biết điểm cực tây thuộc tỉnh nào của nước ta?

A. Lào Cai.

B. Sơn La.

C. Điện Biên.

D. Lai Châu.

Câu 24: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 14, cho biết trong các đỉnh núi sau đỉnh núi nào cao nhất?

A. Ngọc Krinh.

B. Ngọc Linh.

C. Kon Ka Kinh.

D. Vọng Phu.

Câu 25: Thế mạnh đặc trưng của khu vực đồi núi nước ta đối với sự phát triển kinh tế xã hội là:

A. Có nhiều khoáng sản.

B. Có nhiều đồng cỏ.

C. Có khí hậu mát mẻ.

D. Có nguồn thủy năng dồi dào.

Câu 26: Hình thái của đồng bằng sông Hồng có đặc điểm:

A. Cao ở rìa phía Tây và Tây Bắc, thấp dần ra biển.

B. Cao ở rìa phía Đông, ở giữa thấp trũng.

C. thường xuyên bị ngập nước vào mùa lũ.

D. Bề mặt đồng bằng không có đê.

Câu 27: Trong vùng núi Đông bắc những đỉnh núi cao > 2000m thường tập trung ở:

A. biên giới Việt – Trung thuộc Cao Bằng, Lạng Sơn.

B. trong cánh cung: Bắc Sơn, Ngân Sơn, Sông Gâm.

C. thượng nguồn Sông Chảy.

D. ven biển Hạ Long

Câu 28: Đặc điểm không đúng với dải đồng bằng ven biển miền Trung?

A. bề ngang hẹp

B. bị chia cắt

C. bồi đắp chủ yếu bởi phù sa sông.

D. ven biển thường là các cồn cát, đầm, phá

Câu 29: Đồi núi nước ta có tính phân bậc vì:

- A. trong giai đoạn tân sinh nhiều lần biển tiến, biển thoái.
- B. trong giai đoạn cổ kiến tạo có nhiều vận động tạo núi khác nhau.
- C. trong giai đoạn tân sinh vận động nâng lên hạ xuống diễn ra theo từng đợt.
- D. do các quá trình phong hóa mạnh yếu theo từng thời kì.

Câu 30: Khu vực phía tây của vùng núi Tây Bắc có phạm vi:

- A. từ Khoan La San đến Sông Cả.
- B. dọc biên giới Việt – Trung.
- C. từ Phong Thổ đến Mộc Châu.
- D. từ biên giới Việt - Trung đến khuỷu sông Đà.

2.6. Đề thi giữa học kì 1 môn Địa lý 12 - Số 6

TRƯỜNG THPT HỒ THỊ KỶ

ĐỀ THI GIỮA HK1

NĂM HỌC: 2021-2022

MÔN: ĐỊA LÝ 12

Thời gian: 45 phút (không kể thời gian giao đề)

Câu 1: Biển Đông có đặc điểm nào dưới đây?

- A. Nằm trong vùng nhiệt đới ẩm gió mùa.
- B. Là một trong các biển nhỏ ở Thái Bình Dương.
- C. Nằm ở phía Đông của Thái Bình Dương.
- D. Phía đông và đông nam mở ra đại dương.

Câu 2: Các bộ phận thuộc vùng biển nước ta theo thứ tự từ trong ra ngoài là:

- A. Nội thủy, lãnh hải, tiếp giáp lãnh hải, đặc quyền kinh tế và thềm lục địa

- B. Lãnh hải, tiếp giáp lãnh hải, nội thủy và thềm lục địa
- C. Đường cơ sở, lãnh hải, thềm lục địa và đặc quyền kinh tế
- D. Nội thủy, lãnh hải, tiếp giáp lãnh hải, đường cơ sở và đặc quyền kinh tế

Câu 3: Ở vùng biển này nhà nước ta có chủ quyền hoàn toàn về thăm dò, khai thác, bảo vệ và quản lý tài nguyên thiên nhiên là vùng:

- A. Thềm lục địa
- B. Tiếp giáp lãnh hải
- C. Vùng đặc quyền kinh tế
- D. Nội thủy

Câu 4: Ở nước ta thời tiết mùa đông bớt lạnh khô, mùa hè bớt nóng bức là nhờ:

- A. Nằm gần xích đạo, mưa nhiều.
- B. Địa hình 85% là đồi núi thấp.
- C. Ảnh hưởng của gió Tín Phong.
- D. Tiếp giáp với Biển Đông.

Câu 5: Vùng biển nước ta rộng bao nhiêu km²?

- A. Rộng khoảng 0,5 triệu km².
- B. Rộng khoảng 1 triệu km².
- C. Rộng khoảng 1,5 triệu km².
- D. Rộng khoảng 2 triệu km².

Câu 6: Biển Đông giàu về loại tài nguyên khoáng sản nào sau đây?

- A. Dầu khí, than đá, quặng sắt.
- B. Dầu khí, cát, muối biển.
- C. quặng vàng, cát, muối biển.
- D. Thủy sản, muối biển.

Câu 7: Quá trình chủ yếu chi phối địa mạo của vùng ven biển của nước ta là:

- A. Xâm thực.
- B. Mài mòn.
- C. Bồi tụ.
- D. Xâm thực - bồi tụ.

Câu 8: Tác động toàn diện của Biển Đông lên khí hậu nước ta là:

- A. Mang lại cho nước ta lượng mưa và độ ẩm lớn.
- B. Làm cho khí hậu nước ta mang đặc tính khí hậu hải dương nên điều hòa hơn.
- C. Làm giảm tính chất khắc nghiệt của thời tiết lạnh, khô trong mùa đông.
- D. Làm giảm bớt thời tiết nóng bức trong mùa hạ.

Câu 9: Vân Phong là vịnh biển thuộc tỉnh (thành) nào sau đây:

- A. Quảng Ninh.
- B. Đà Nẵng.
- C. Khánh Hoà.
- D. Bình Thuận.

Câu 10: Đặc điểm của Biển Đông có ảnh hưởng nhiều nhất đến thiên nhiên nước ta là:

- A. Nóng, ẩm và chịu ảnh hưởng của gió mùa.
- B. Có diện tích lớn gần 3,5 triệu km².
- C. Biển kín với các hải lưu chạy khép kín.
- D. Có thềm lục địa mở rộng hai đầu thu hẹp ở giữa.

Câu 11: Tính chất nhiệt đới của khí hậu nước ta được quy định bởi vị trí:

- A. Thuộc châu Á.
- B. Nằm ven biển Đông, phía tây Thái Bình Dương.
- C. Nằm trong vùng nội chí tuyến.

D. Nằm trong vùng khí hậu gió mùa.

Câu 12: Gió mùa đông hoạt động ở nước ta trong thời gian nào?

A. Từ tháng 5 đến tháng 10.

B. Từ tháng 6 đến tháng 12.

C. Từ tháng 11 đến tháng 4 năm sau.

D. Từ tháng 12 đến tháng 6 năm sau.

Câu 13: Gió đông bắc thổi ở vùng phía nam đèo Hải Vân vào mùa đông thực chất là:

A. Gió mùa mùa đông nhưng đã biến tính khi vượt qua dãy Bạch Mã.

B. Gió địa phương hoạt động thường xuyên suốt năm giữa biển và đất liền.

C. Gió tín phong ở nửa cầu Bắc hoạt động thường xuyên suốt năm.

D. Gió mùa mùa đông xuất phát từ cao áp ở lục địa châu Á.

Câu 14: Khu vực chịu tác động mạnh nhất của gió mùa Đông bắc ở nước ta là:

A. Đồng bằng sông Hồng.

B. Vùng núi Tây Bắc.

C. Vùng núi Đông Bắc.

D. Vùng núi Trường Sơn Bắc.

Câu 15: Kiểu rừng đặc trưng của nước ta hiện nay là:

A. Rừng rậm nhiệt đới ẩm lá rộng thường xanh.

B. Rừng gió mùa thường xanh.

C. Rừng gió mùa nửa rụng lá.

D. Rừng ngập mặn thường xanh ven biển.

Câu 16: Ở nước ta, Tín phong hoạt động mạnh nhất vào thời gian nào?

A. Giữa mùa gió Đông Bắc.

B. Giữa mùa Gió Tây Nam.

C. Đầu mùa gió Đông Bắc và giữa mùa gió Tây Nam.

D. Chuyển tiếp giữa hai mùa gió.

Câu 17: Trong chế độ khí hậu, ở miền Bắc phân chia thành 2 mùa là:

A. Mùa đông lạnh, nhiều mưa và mùa hạ nóng, ít mưa.

B. Mùa đông ẩm áp, ít mưa và mùa hạ mát mẻ, ít mưa.

C. Mùa đông lạnh, ít mưa và mùa hạ nóng ẩm, mưa nhiều.

D. Mùa đông ẩm áp, ít mưa và mùa hạ mát mẻ, mưa nhiều.

Câu 18: So với Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh thì Huế là nơi có cân bằng ẩm lớn nhất. Nguyên nhân chính là:

A. Huế là nơi có lượng mưa trung bình năm lớn nhất nước ta.

B. Huế có lượng mưa lớn nhưng bốc hơi ít do mưa nhiều vào mùa thu đông.

C. Huế có lượng mưa không lớn nhưng mưa thu đông nên ít bốc hơi.

D. Huế có lượng mưa khá lớn nhưng mùa mưa trùng với mùa lạnh nên ít bốc hơi.

Câu 19: Vì sao nước ta có lượng mưa lớn, trung bình 1500 – 2000 mm/năm?

A. Tín phong mang mưa tới.

B. Nhiệt độ cao nên lượng bốc hơi lớn.

C. Các khối không khí qua biển mang ẩm vào đất liền.

D. Địa hình cao đón gió gây mưa.

Câu 20: Tại sao hình thành các trung tâm mưa ít, mưa nhiều ở nước ta?

A. Hướng núi.

B. Độ cao địa hình.

C. Hoàn lưu gió mùa.

D. Sự kết hợp giữa địa hình và hoàn lưu gió mùa.

Câu 21: Nước ta cùng có đường biên giới trên biển và trên đất liền với:

- A. Trung Quốc, Lào.
- B. Lào, Campuchia.
- C. Trung Quốc, Thái Lan.
- D. Trung Quốc, Campuchia.

Câu 22: Trở ngại lớn nhất của địa hình miền núi đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của nước ta là:

- A. Địa hình bị chia cắt mạnh, nhiều sông suối, hẻm vực gây trở ngại cho giao thông.
- B. Địa hình dốc, đất dễ bị xói mòn, lũ quét, lũ nguồn dễ xảy ra.
- C. Động đất dễ phát sinh ở những vùng đứt gãy sâu.
- D. Thiếu đất canh tác, thiếu nước nhất là ở những vùng núi đá vôi.

Câu 23: Nguyên nhân cơ bản nhất tạo nên sự phân hoá đa dạng của thiên nhiên nước ta là:

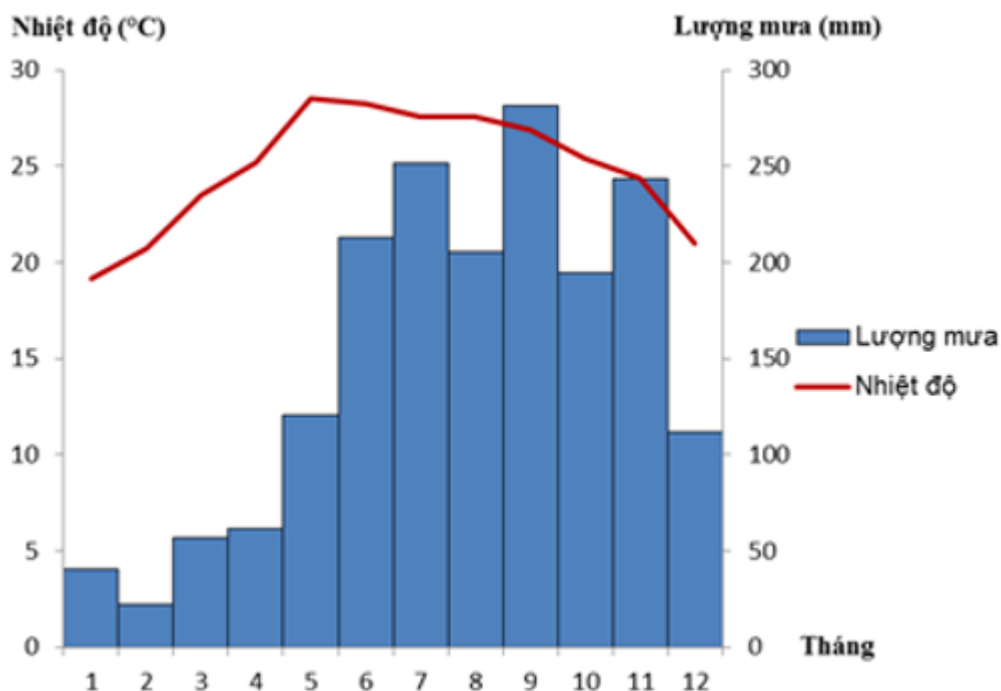
- A. Nước ta là nước nhiều đồi núi.
- B. Nước ta nằm trong khu vực chịu ảnh hưởng của gió mùa.
- C. Nước ta có khí hậu nhiệt đới ẩm.
- D. Nước ta nằm tiếp giáp với Biển Đông.

Câu 24: Vì sao địa hình nước ta nhiều đồi núi và chủ yếu là đồi núi thấp?

- A. Lãnh thổ nước ta được hình thành từ giai đoạn tiền Cambri cách đây trên 2 tỉ năm.
- B. Lãnh thổ nước ta được hình thành rất sớm, bị bào mòn lâu dài sau đó lại được nâng lên.
- C. Lãnh thổ nước ta được hình thành chủ yếu trong giai đoạn Cổ kiến tạo.
- D. Lãnh thổ nước ta trải qua nhiều kì vận động tạo núi như Calêđôni, Hecxini, Inđôxini, Kimêri, Anpi.

Câu 25: Cho biểu đồ:

Biểu đồ nhiệt độ lượng mưa Việt Nam năm 2015



Nhận định nào không đúng trong các nhận định sau:

- A. Tháng 7 có nhiệt độ và lượng mưa cao nhất trong năm.
- B. Tháng có nhiệt độ cao nhất trong năm là tháng 5.
- C. Tháng có lượng mưa cao nhất trong năm là tháng 9.
- D. Tháng 1 là tháng có nhiệt độ thấp nhất trong năm.

Câu 26: Cho bảng số liệu:

NHIỆT ĐỘ, LƯỢNG MƯA CỦA VIỆT NAM NĂM 2015

Tháng	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Nhiệt độ (°C)	19,2	20,7	23,5	25,2	28,5	28,3	27,6	27,6	26,9	25,4	24,4	21,0
Lượng mưa (mm)	40,1	22,0	56,8	61,2	120,3	212,9	251,4	205,1	281,6	194,8	243,2	111,5

Lượng mưa trung bình năm của nước ta là?

- A. 150.1mm
- C. 1800mm

B. 1500mm D. 2000mm

Câu 27: Cho bảng số liệu sau:

LƯỢNG MƯA, LƯỢNG BỐC HƠI VÀ CÂN BẰNG ẨM CỦA MỘT SỐ ĐỊA ĐIỂM

Đơn vị: mm

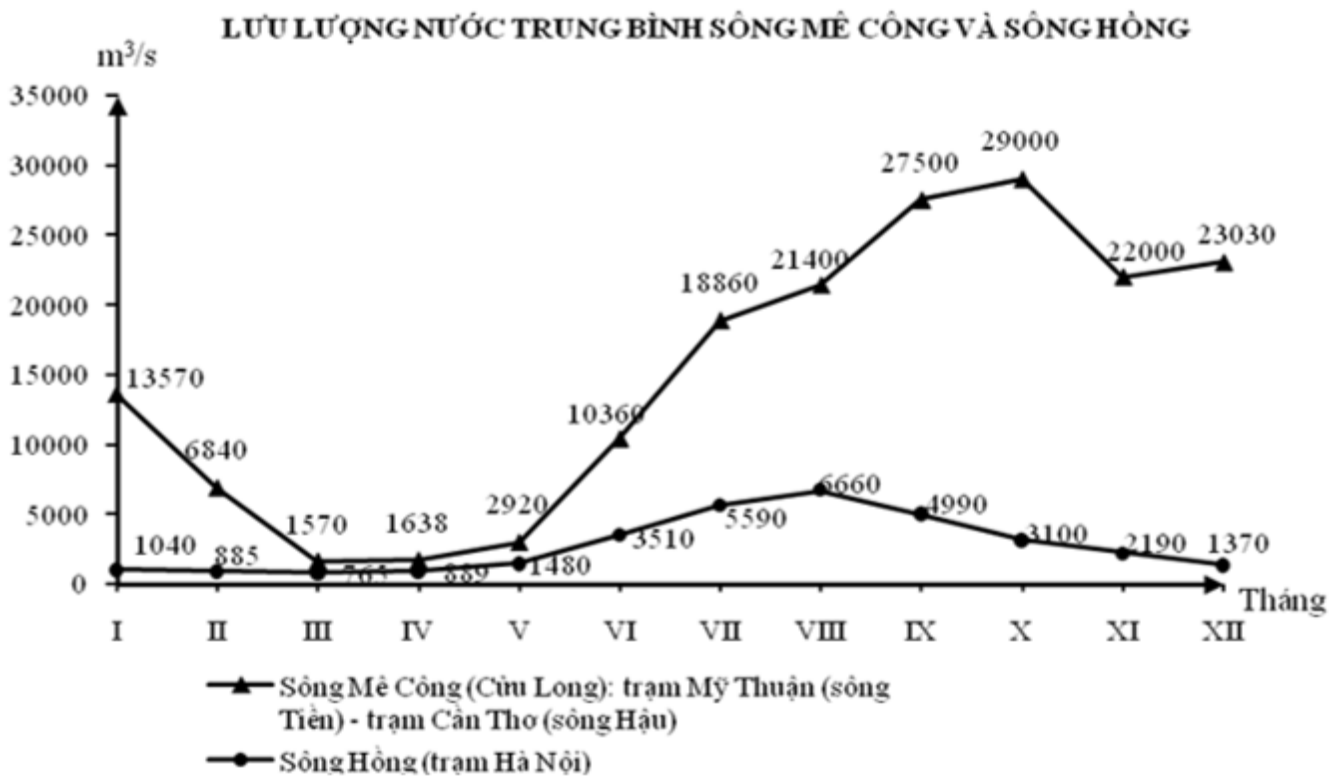
Địa điểm	Lượng mưa	Lượng bốc hơi	Cân bằng ẩm
Hà Nội	1667	989	+678
Huế	2868	1000	+1868
TP. Hồ Chí Minh	1931	1686	+ 245

Nguồn: Tổng cục thống kê

Để thể hiện lượng mưa, lượng bốc hơi và cân bằng ẩm của ba địa điểm biểu đồ nào sau đây là thích hợp nhất?

- A. Biểu đồ cột.
- B. Biểu đồ tròn.
- C. Biểu đồ đường.
- D. Biểu đồ miền.

Câu 28: Cho biểu đồ:



Nhận xét nào sau đây đúng với biểu đồ trên?

- A. Sông Mê Công có lưu lượng nước trung bình các tháng đều nhỏ hơn và tháng đỉnh lũ muộn hơn sông Hồng.
- B. Sông Mê Công có lưu lượng nước trung bình các tháng đều nhỏ hơn và tháng đỉnh lũ sớm hơn sông Hồng.
- C. Sông Mê Công có lưu lượng nước trung bình các tháng đều lớn hơn và tháng đỉnh lũ muộn hơn sông Hồng.
- D. Sông Mê Công có lưu lượng nước trung bình các tháng đều lớn hơn và tháng đỉnh lũ sớm hơn sông Hồng.

Câu 29: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 4-5, Việt Nam có bao nhiêu tỉnh chung đường biên giới với Trung Quốc:

- A. 6 B. 7 C. 8 D. 5

Câu 30: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 6-7 cho biết, Cao nguyên Lâm Viên nằm ở vùng núi nào sau đây:

- A. Vùng núi Tây Bắc B. Vùng núi Trường Sơn Nam.

C. Vùng núi Đông Bắc D. Vùng núi Trường Sơn Bắc.

Câu 31: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 9, hãy cho biết vùng chịu ảnh hưởng của gió Tây khô nóng nhiều nhất là vùng nào?

A. Bắc Trung Bộ.

B. Tây Bắc.

C. Nam Trung Bộ.

D. Đồng bằng Sông Hồng

Câu 32: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 23. Đi từ bắc vào nam theo biên giới Việt - Lào, ta đi qua lần lượt các cửa khẩu:

A. Lao Bảo, Cầu Treo, Tây Trang, Bờ Y.

B. Cầu Treo, Tân Thanh, Lao Bảo, Bờ Y.

C. Tây Trang, Cầu Treo, Lao Bảo, Bờ Y.

D. Bờ Y, Lao Bảo, Cầu Treo, Tây Trang.

Câu 33: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 9, hãy cho biết tháng 10, 11 bão đổ bộ vào nước ta vào khu vực nào?

A. Bắc Trung Bộ.

B. Đông Bắc Bộ.

C. Nam Trung Bộ.

D. Tây Nguyên.

Câu 34: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 9, hãy cho biết nhiệt độ trung bình năm của TP.Hồ Chí Minh là:

A. Trên 24°C.

B. Từ 18 – 20°C.

C. Từ 20 – 24°C.

D. Dưới 18°C.

Câu 35: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 9, hãy cho biết tổng lượng mưa trung bình tháng XI - IV của TP.Hồ Chí Minh là:

- A. Từ 200 – 400mm.
- B. Từ 400 – 800mm.
- C. Từ 800 – 1200mm.
- D. Trên 1200mm.

Câu 36: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 4-5, hãy cho biết tỉnh vừa có biên giới trên biển và trên đất liền với Trung Quốc là:

- A. Lạng Sơn.
- B. Điện Biên.
- C. Kiên Giang.
- D. Quảng Ninh.

Câu 37: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 4-5, hãy cho biết tỉnh nào sau đây vừa có biên giới với Lào vừa giáp biển:

- A. Quảng Ninh.
- B. Sơn La.
- C. Điện Biên.
- D. Quảng Bình.

Câu 38: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 6-7 cho biết, cửa sông nào sau đây thuộc sông Tiền:

- A. Cỏ Chiên
- B. Định An
- C. Trần Đề
- D. Tranh Đề

Câu 39: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 8, cho biết mỏ dầu khí không phải là:

- A. Hồng Ngọc

B. Rạng Đông

C. Bạch Hồ

D. Hòn Hải

Câu 40: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 810, cho biết sông Đà thuộc hệ thống sông nào:

A. Sông Đà

B. Sông Hồng

C. Sông Kỳ Cùng – Bằng Giang

D. sông Thái Bình

ĐÁP ÁN

1A	2A	3C	4D	5B	6B	7C	8B	9C	10A
11C	12C	13C	14C	15A	16D	17C	18D	19C	20D
21D	22A	23A	24B	25A	26C	27A	28C	29B	30B
31A	32C	33C	34A	35A	36D	37D	38A	39D	40B

2.7. Đề thi giữa học kì 1 môn Địa lý 12 - Số 7

TRƯỜNG THPT DUY TÂN

ĐỀ THI GIỮA HK1

NĂM HỌC: 2021-2022

MÔN: ĐỊA LÝ 12

Thời gian: 45 phút (không kể thời gian giao đề)

Câu 1: Nhận định chưa chính xác về đặc điểm của biển Đông là:

A. Có tính chất nhiệt đới gió mùa

C. Giàu tài nguyên khoáng sản và hải sản

B. Vùng biển rộng tương đối kín

D. Nhiệt độ nước biển thấp

Câu 2: Biển Đông là vùng biển lớn nằm ở phía:

- A. Nam Trung Quốc và Đông Bắc Đài Loan.
- B. Phía đông Phi - lip - pin và phía tây của Việt Nam.
- C. Phía đông Việt Nam và tây Phi - lip - pin.
- D. Phía bắc của Xin - ga - po và phía nam Ma - lai - xi - a.

Câu 3: Phần đi ngầm dưới biển và lòng đất dưới đáy biển thuộc phần lục địa kéo dài, mở rộng ra ngoài lãnh hải cho đến bờ ngoài của rìa lục địa, có độ sâu khoảng 200m hoặc hơn nữa là:

- A. Lãnh hải
- C. tiếp giáp lãnh hải
- B. Thềm lục địa
- D. Nội thủy

Câu 4: Thiên tai mang lại thiệt hại lớn nhất cho cư dân vùng biển là:

- A. Sạt lở bờ biển.
- B. Nạn cát bay.
- C. Triều cường.
- D. Bão.

Câu 5: Vùng biển nước ta rộng bao nhiêu km^2 ?

- A. 0,5 triệu km^2 .
- B. 1 triệu km^2 .
- C. 1,5 triệu km^2 .
- D. 2 triệu km^2 .

Câu 6: Hệ sinh thái nào sau đây là đặc trưng của vùng ven biển?

- A. Rừng ngập mặn.

- B. Rừng kín thường xanh.
- C. Rừng cận xích đạo gió mùa.
- D. Rừng thưa nhiệt đới khô.

Câu 7: Biểu hiện rõ nhất đặc điểm nóng ẩm của Biển Đông là:

- A. Thành phần sinh vật nhiệt đới chiếm ưu thế.
- B. Nhiệt độ nước biển khá cao và thay đổi theo mùa.
- C. Có các dòng hải lưu nóng hoạt động suốt năm.
- D. Có các luồng gió theo hướng đông nam thổi vào nước ta gây mưa.

Câu 8: Biển Đông ảnh hưởng như thế nào đối với thiên nhiên Việt Nam?

- A. Làm cho khí hậu mang tính hải dương điều hòa.
- B. Làm cho thiên nhiên nước ta mang tính chất nhiệt đới ẩm gió mùa.
- C. Làm cho thiên nhiên nước ta có sự phân hoá đa dạng.
- D. Làm cho khí hậu mang tính chất lục địa điều hoà.

Câu 9: Cam Ranh là hai vịnh biển thuộc tỉnh (thành):

- A. Quảng Ninh.
- B. Đà Nẵng.
- C. Khánh Hoà.
- D. Bình Thuận.

Câu 10: Tính chất nhiệt đới ẩm gió mùa của Biển Đông không được thể hiện rõ ở:

- A. Nhiệt độ nước biển.
- B. Dòng hải lưu.
- C. Thành phần loài sinh vật biển.
- D. Các đảo nhỏ ven bờ.

Câu 11: Tính chất ẩm của khí hậu nước ta biểu hiện ở:

- A. Độ ẩm lớn, cân bằng ẩm luôn dương.
- B. Chịu ảnh hưởng của hai mùa gió.
- C. Trong năm có hai mùa rõ rệt.
- D. Tổng bức xạ lớn, cân bằng bức xạ luôn dương.

Câu 12: Gió mùa mùa hạ hoạt động ở nước ta trong thời gian nào?

- A. Từ tháng 5 đến tháng 10.
- B. Từ tháng 6 đến tháng 12.
- C. Từ tháng 11 đến tháng 4 năm sau.
- D. Từ tháng 12 đến tháng 6 năm sau.

Câu 13: Vào đầu mùa hạ gió mùa Tây Nam gây mưa ở vùng:

- A. Nam Bộ.
- B. Tây Nguyên và Nam Bộ.
- C. Phía Nam đèo Hải Vân.
- D. Trên cả nước.

Câu 14: Trên đất liền nước ta, nơi có thời gian hai lần mặt trời lên thiên đỉnh gần nhất là:

- A. Điểm cực Bắc.
- B. Điểm cực Nam.
- C. Điểm cực Đông.
- D. Điểm cực Tây.

Câu 15: Đất feralit ở nước ta thường bị chua vì:

- A. Có sự tích tụ nhiều Fe_2O_3 .
- B. Có sự tích tụ nhiều Al_2O_3 .
- C. Mưa nhiều trôi hết các chất bazo dễ tan.
- D. Quá trình phong hoá diễn ra với cường độ mạnh.

Câu 16: Ở nước ta, nơi có gió phơn Tây Nam hoạt động mạnh nhất là:

- A. Vùng núi Tây Bắc.
- B. Phía đông của Trường Sơn Bắc.
- C. Tây Nguyên.
- D. Cực Nam Trung Bộ.

Câu 17: Trong chế độ khí hậu, ở miền Nam phân chia thành các mùa là:

- A. Mùa khô và mùa mưa.
- B. Mùa đông và mùa hạ.
- C. Xuân hạ thu đông rõ rệt.
- D. Mùa đông và mùa khô.

Câu 18: Do tác động của gió mùa Đông Bắc nên nửa sau mùa đông ở miền Bắc nước ta thường có kiểu thời tiết:

- A. Ấm áp, khô ráo.
- B. Lạnh, khô.
- C. Ấm áp, ẩm ướt.
- D. Lạnh, ẩm.

Câu 19: Tại sao vùng núi Đông Bắc là nơi lạnh nhất nước ta?

- A. Địa hình có độ cao lớn nhất nước ta.
- B. Vị trí nằm xa biển nhất nước ta.
- C. Tác động của gió mùa Đông Bắc.
- D. Nằm xa xích đạo nhất cả nước.

Câu 20: Các trung tâm mưa ít, mưa nhiều ở nước ta được hình thành do?

- A. Hướng núi kết hợp với độ cao địa hình.
- B. Sự kết hợp giữa địa hình và hoàn lưu gió mùa.

C. Độ cao địa hình và dải hội tụ nhiệt đới.

D. Hoàn lưu gió mùa và vị trí gần biển.

Câu 21: Đường bờ biển của nước ta dài 3260 km, chạy từ:

A. Tỉnh Quang Ninh đến tỉnh Cà Mau.

B. Tỉnh Lạng Sơn đến tỉnh Cà Mau.

C. Tỉnh Lạng Sơn đến tỉnh Kiên Giang.

D. Tỉnh Quảng Ninh đến tỉnh Kiên Giang.

Câu 22: Dọc ven biển, nơi có nhiệt độ cao, nhiều nắng, có ít sông đổ ra biển thuận lợi cho nghề

A. khai thác thủy, hải sản.

B. nuôi trồng thủy sản.

C. làm muối.

D. chế biến thủy sản.

Câu 23: Cảnh quan rừng nhiệt đới ẩm gió mùa phát triển trên đồi núi thấp là kiểu cảnh quan chiếm ưu thế của nước ta vì:

A. Nước ta nằm hoàn toàn trong vùng nội chí tuyến.

B. Nước ta nằm tiếp giáp Biển Đông.

C. Nước ta nằm trong khu vực châu Á gió mùa.

D. Đồi núi thấp chiếm 85% diện tích lãnh thổ.

Câu 24: Tại sao đồi núi nước ta lại có sự phân bậc?

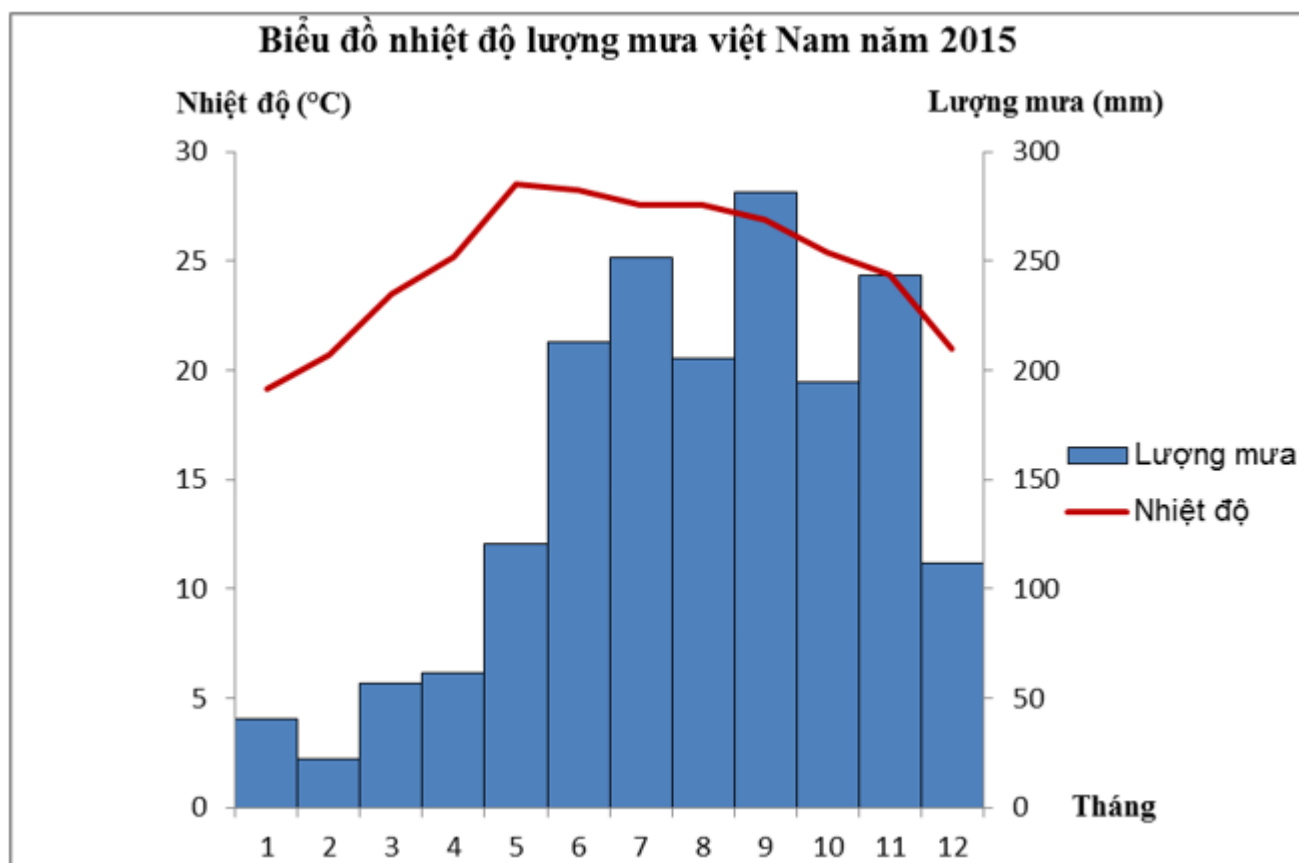
A. Phần lớn là núi có độ cao dưới 2000 m.

B. Chịu tác động của vận động tạo núi Anpơ trong giai đoạn Tân kiến tạo.

C. Chịu tác động của nhiều đợt vận động tạo núi trong đại Cổ sinh.

D. Trải qua lịch sử phát triển lâu dài, chịu tác động nhiều của ngoại lực.

Câu 25: Cho biểu đồ:



Dựa vào biểu đồ, nhận định nào không đúng trong các nhận định sau:

- A. Nhiệt độ trung bình các tháng đều trên 20°C.
- B. Biên độ nhiệt hằng năm khoảng 10°C.
- C. Chủ yếu mưa vào thời kì hè – thu.
- D. Tháng 7 có lượng mưa lớn nhất.

Câu 26: Cho bảng số liệu:

NHIỆT ĐỘ, LƯỢNG MƯA CỦA VIỆT NAM NĂM 2015

Tháng	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Nhiệt độ (°C)	19,2	20,7	23,5	25,2	28,5	28,3	27,6	27,6	26,9	25,4	24,4	21,0
Lượng mưa (mm)	40,1	22,0	56,8	61,2	120,3	212,9	251,4	205,1	281,6	194,8	243,2	111,5

Nhiệt độ trung bình năm của nước ta là:

A. 23,6°C C. 23,9°C

B. 24,6°C D. 24,9°C

Câu 27: Cho bảng số liệu sau:

LƯỢNG MƯA, LƯỢNG BỐC HƠI VÀ CÂN BẰNG ẨM CỦA MỘT SỐ ĐỊA ĐIỂM

Đơn vị: mm

Địa điểm	Lượng mưa	Lượng bốc hơi	Cân bằng ẩm
Hà Nội	1667	989	+678
Huế	2868	1000	+1868
TP. Hồ Chí Minh	1931	1686	+ 245

Nguồn: Tổng cục thống kê

Để thể hiện lượng mưa, lượng bốc hơi và cân bằng ẩm của ba địa điểm biểu đồ nào sau đây là thích hợp nhất?

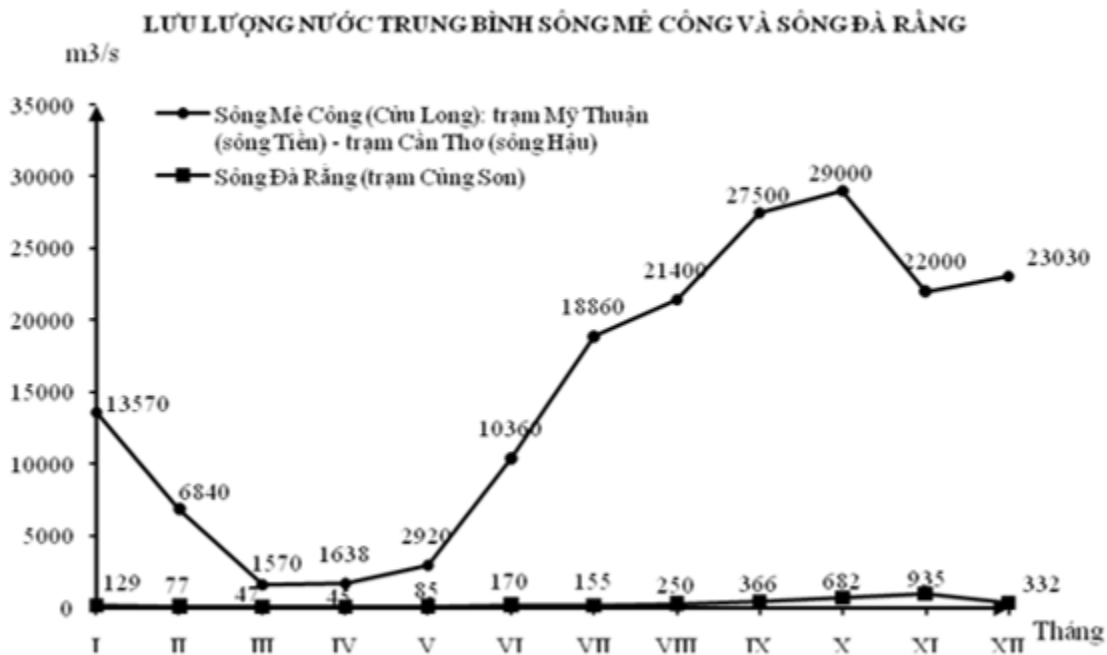
A. Biểu đồ cột.

B. Biểu đồ tròn.

C. Biểu đồ đường.

D. Biểu đồ miền.

Câu 28: Cho biểu đồ:



Nhận xét nào sau đây đúng với biểu đồ trên?

- A. Sông Mê Công có lưu lượng nước trung bình các tháng đều lớn hơn và tháng đỉnh lũ muộn hơn sông Đà Rằng.
- B. Sông Mê Công có lưu lượng nước trung bình các tháng đều nhỏ hơn và tháng đỉnh lũ muộn hơn sông Đà Rằng.
- C. Sông Mê Công có lưu lượng nước trung bình các tháng đều lớn hơn và tháng đỉnh lũ sớm hơn sông Đà Rằng.
- D. Sông Mê Công có lưu lượng nước trung bình các tháng đều nhỏ hơn và tháng đỉnh lũ sớm hơn sông Đà Rằng.

Câu 29: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 4-5, cho biết Biển Đông không giáp với nước nào khu vực Đông Nam Á:

- A. Nam Trung Quốc và Đông Bắc Đài Loan.
- B. Đôngtimo, Lào, Mianma.
- C. Lào, Mianma Phi-líp-pin.
- D. Xin-ga-po, Đông Ti Mo và Ma-lai-xi-a.

Câu 30: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 6,7 cho biết dãy Hoàng Liên Sơn nằm ở vùng núi nào của nước ta:

- A. Đông Bắc B. Tây Bắc
C. Trường Sơn Bắc D. Trường Sơn Nam

Câu 31: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 9, hãy cho biết tháng 6, 7 bão đổ bộ vào nước ta vào vùng nào?

- A. Bắc Trung Bộ.
B. Đông Bắc Bộ.
C. Nam Trung Bộ.
D. Tây Nguyên.

Câu 32: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 23. Đi từ Nam ra Bắc theo biên giới Việt - Lào, ta đi qua lần lượt các cửa khẩu:

- A. Lao Bảo, Cầu Treo, Tây Trang, Bờ Y.
B. Cầu Treo, Tân Thanh, Lao Bảo, Bờ Y.
C. Tây Trang, Cầu Treo, Lao Bảo, Bờ Y.
D. Bờ Y, Lao Bảo, Cầu Treo, Tây Trang

Câu 33: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 4-5, Việt Nam có bao nhiêu tỉnh chung đường biên giới với Cam Pu Chia:

- A. 11 B. 10 C. 9 D. 8

Câu 34: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 9, hãy cho biết nhiệt độ trung bình năm của Hà Tiên là:

- A. Trên 24°C.
B. Từ 18 – 20°C.
C. Từ 20 – 24°C.
D. Dưới 18°C.

Câu 35: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 9, hãy cho biết tổng lượng mưa trung bình tháng XI - IV của Hà Tiên là:

- A. Từ 200 – 400mm.

- B. Từ 400 – 800mm.
- C. Từ 800 – 1200mm.
- D. Trên 1200mm.

Câu 36: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 4-5, hãy cho biết tỉnh vừa có biên giới trên biển và trên đất liền với Cam Pu Chia là:

- A. Quảng Ninh.
- B. Lạng Sơn.
- C. Điện Biên.
- D. Kiên Giang.

Câu 37: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 4-5, hãy cho biết tỉnh nào sau đây vừa có biên giới với Trung Quốc vừa giáp biển:

- A. Quảng Ninh.
- B. Sơn La.
- C. Điện Biên.
- D. Quảng Bình.

Câu 38: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 6-7 cho biết, cửa sông nào sau đây không thuộc sông Hậu:

- A. Cung Hầu
- B. Định An
- C. Trần Đề
- D. Tranh Đề

Câu 39: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 8, cho biết mỏ than đá không phải là:

- A. Cẩm Phả
- B. Vàng Danh
- C. Hồng Ngọc

D. Quỳnh Nhai

Câu 40: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 10, cho biết sông Chảy thuộc hệ thống sông nào:

A. Sông Cả

B. Sông Hồng

C. sông Mã

D. sông Thái Bình

ĐÁP ÁN

1D	2C	3B	4D	5B	6A	7A	8A	9C	10D
11A	12A	13B	14A	15C	16B	17A	18D	19C	20B
21D	22C	23D	24B	25D	26D	27A	28C	29B	30B
31B	32D	33B	34A	35A	36D	37A	38A	39C	40B

2.8. Đề thi giữa học kì 1 môn Địa lý 12 - Số 8

TRƯỜNG THPT NGÔ QUYỀN

ĐỀ THI GIỮA HK1

NĂM HỌC: 2021-2022

MÔN: ĐỊA LÝ 12

Thời gian: 45 phút (không kể thời gian giao đề)

Câu 1: Nước ta có nguồn tài nguyên sinh vật phong phú vì

A. nằm ở vị trí tiếp giáp giữa lục địa và hải dương trên vành đai sinh khoáng của thế giới.

B. nằm hoàn toàn trong miền nhiệt đới Bắc bán cầu thuộc khu vực Châu Á gió mùa.

C. lãnh thổ kéo dài nên thiên nhiên có sự phân hóa đa dạng.

D. nằm ở vị trí tiếp giáp giữa lục địa và hải dương trên đường di lưu của các loài sinh vật.

Câu 2: Căn cứ vào atlas địa lý trang 4-5 hãy cho biết Đỉnh cực Nam nước ta thuộc tỉnh?

A. Sóc Trăng. B. Kiên Giang. C. Cà Mau. D. Bạc Liêu.

Câu 3: Phần đất liền nước ta nằm trong hệ tọa độ địa lí?

- A. $23^{\circ}20'B - 8^{\circ}30'B$ và $102^{\circ}09'D - 109^{\circ}24'D$.
- B. $23^{\circ}23'B - 8^{\circ}34'B$ và $102^{\circ}09'D - 109^{\circ}20'D$.
- C. $23^{\circ}23'B - 8^{\circ}30'B$ và $102^{\circ}09'D - 109^{\circ}24'D$.
- D. $23^{\circ}23'B - 8^{\circ}34'B$ và $102^{\circ}09'D - 109^{\circ}24'D$.

Câu 4: Căn cứ vào át lát địa lý trang 4-5 hãy cho biết, Việt Nam không có đường biên giới trên biển với nước nào?

- A. Lào.
- D. Campuchia.
- C. Trung Quốc.
- B. Thái Lan, Trung Quốc.

Câu 5: Do nằm trong khu vực nhiệt đới ẩm, gió mùa nên thiên nhiên nước ta có?

- A. Sinh vật đa dạng.
- B. Đất đai rộng lớn và phì nhiêu.
- C. Khoáng sản phong phú, trữ lượng lớn.
- D. Khí hậu ôn hoà, dễ chịu.

Câu 6: So với các nước cùng một vĩ độ, nước ta có nhiều lợi thế hơn hẳn về?

- A. Phát triển cây cà phê, cao su, ca cao.
- B. Trồng các loại lúa gạo, cà phê, cao su.
- C. Trồng được các loại nho, cam, ô liu, chà là như Tây Á.
- D. Trồng được lúa mì, ngô, khoai.

Câu 7: Nước ta có sự đa dạng về bản sắc dân tộc là do

- A. đang diễn ra những hoạt động kinh tế sôi động.
- B. giao tiếp của hai vành đai sinh khoáng lớn.
- C. giao nhau của các luồng sinh vật Bắc, Nam.
- D. có sự gặp gỡ nghiêng nền văn minh lớn á, Âu với văn minh bản địa.

Câu 8: Vị trí địa lý đã qui định đặc điểm nào của thiên nhiên nước ta?

- A. Nhiệt đới ẩm gió mùa.
- B. Nhiệt đới ẩm.
- C. Nhiệt đới khô hạn.
- D. Nhiệt đới gió mùa.

Câu 9: Đồng bằng sông Cửu Long có đặc điểm

- A. tổng diện tích khoảng 15000km². B. bị chia cắt nhiều bởi các đê ven sông.
C. có mạng lưới kênh rạch chằng chịt. D. có các ruộng bậc cao bạc màu.

Câu 10: Căn cứ vào át lát địa lý trang 4-5 hãy cho biết Vân Phong và Cam Ranh là 2 vịnh thuộc tỉnh

- A. Bình Thuận. B. Đà Nẵng. C. Khánh Hòa. D. Quảng Ninh.

Câu 11: Điểm nào sau đây không đúng với hệ sinh thái rừng ngập mặn?

- A. Cho năng suất sinh vật cao. B. Có nhiều loài cây gỗ quý.
C. Giàu tài nguyên động vật. D. Phân bố ở ven biển.

Câu 12: Ở nước ta mùa đông bớt lạnh, mùa hạ bớt nóng là do?

- A. Địa hình 85% là núi thấp. B. Tiếp giáp với biển Đông.
C. Nằm gần xích đạo, mưa nhiều. D. Chịu tác động thường xuyên của gió mùa.

Câu 13: Đặc điểm của Biển Đông ảnh hưởng nhiều nhất đến thiên nhiên nước ta là?

- A. Nóng ẩm và chịu ảnh hưởng của gió mùa.
B. Có diện tích lớn gần 3,5 triệu km.
C. Có thêm lục địa mở rộng hai đầu thu hẹp ở giữa.
D. Biển kín với các hải lưu chảy khép kín.

Câu 14: Vùng cực Nam Trung Bộ là nơi có nghề làm muối rất lí tưởng vì?

- A. Có thêm lục địa thoải kéo dài Sang tận Ma- lai- xi- a.
B. Có những hệ núi cao ăn lan ra biển nên bờ biển khúc khuỷu.
C. Có nhiệt độ cao, nhiều nắng, Chỉ có vài sông nhỏ đổ ra biển.
D. Không có bão lại ít chịu ảnh hưởng của gió mùa Đông Bắc.

Câu 15: Biển Đông ảnh hưởng nhiều nhất đến thiên nhiên nước ta ở thành phần tự nhiên nào?

- A. Cảnh quan ven biển. B. Sinh vật. C. Khí hậu. D. Địa hình.

Câu 16: Cảnh quan rừng nhiệt đới ẩm gió mùa phát triển trên đồi núi thấp là kiểu cảnh quan chiếm ưu thế của nước ta vì?

- A. Nước ta nằm tiếp giáp Biển Đông.
- B. Nước ta nằm trong khu vực Châu Á gió mùa.
- C. Đồi núi thấp chiếm 85% diện tích lãnh thổ.
- D. Nước ta nằm hoàn toàn trong vùng nội chí tuyến.

Câu 17: Địa hình đồi núi đã làm cho?

- A. Thường xuyên nhận được lượng phù sa bồi đắp lớn.
- B. Miền núi nước ta có khí hậu mát mẻ thuận lợi để phát triển nông nghiệp.
- C. Nước ta giàu có về tài nguyên rừng với 2/4 diện tích lãnh thổ.
- D. Sông ngòi nước ta có tiềm năng thủy điện lớn.

Câu 18: Trở ngại lớn nhất của địa hình đồi núi đối với sự phát triển kinh tế- xã hội của nước ta là?

- A. Địa hình bị chia cắt mạnh, nhiều sông suối, hẻm vực gây trở ngại cho giao thông.
- B. Địa hình dốc, đất dễ bị xói mòn, lũ quét, lũ nguồn dễ xảy ra.
- C. Động đất dễ xảy phát sinh ở những vùng đứt gãy sâu.
- D. Thiếu đất canh tác, thiếu nước nhất là ở vùng núi đá vôi.

Câu 19: Dựa vào át lát địa lí trang 6-7, đặc điểm nào sau đây không phải là địa hình của vùng núi Tây Bắc là?

- A. Có địa hình cao nhất cả nước.
- B. Có 3 mạch núi lớn hướng Tây Bắc – Đông Nam.
- C. Có nhiều dãy núi cao đồ sộ nhất nước ta.
- D. Có 4 cánh cung lớn.

Câu 20: Nguyên nhân cơ bản tạo nên sự phân hóa đa dạng của thiên nhiên nước ta là do?

- A. Nước ta là nước nhiều đồi núi.

B. Nước ta có khí hậu nhiệt đới ẩm.

C. Nước ta nằm tiếp giáp với Biển Đông.

D. Nước ta nằm trong khu vực chịu tác động của gió mùa.

Câu 21: Địa thế cao ở hai đầu, thấp ở giữa đó là đặc điểm của vùng núi?

A. Đông Bắc. **B.** Trường Sơn Bắc. **C.** Trường Sơn Nam. **D.** Tây Bắc.

Câu 22: Đặc điểm nào sau đây không phải là địa hình của vùng núi Đông Bắc là?

A. Có 3 mạch núi lớn hướng Tây Bắc – Đông Nam.

B. Địa hình núi thấp chiếm phần lớn diện tích.

C. Có 4 cánh cung lớn.

D. Nằm ở tả ngạn Sông Hồng.

Câu 23: Đồng bằng châu thổ Sông Hồng và Sông Cửu Long chung một đặc điểm?

A. Có hệ thống sông ngòi kênh rạch chằng chịt. **B.** Được hình thành bởi phù sa sông.

C. Hình thành trên vùng sụt lún của hạ lưu sông. **D.** Có hệ thống đê ngăn lũ ven sông.

Câu 24: Dựa vào át lát địa lí trang 6-7, địa hình núi cao hiểm trở nhất nước ta tập trung ở?

A. Vùng núi Tây Bắc. **B.** Vùng núi Trường Sơn Bắc.

C. Vùng núi Đông Bắc. **D.** Vùng núi Trường Sơn Nam.

Câu 25: Dựa vào át lát địa lí trang 6-7, ranh giới của vùng núi Tây Bắc là?

A. Sông Hồng và Sông Đà. **B.** Sông Hồng và Sông Cả.

C. Sông Hồng và Sông Mã. **D.** Sông Đà và Sông Mã.

Câu 26: Căn cứ vào át lát địa lí trang 23, hãy cho biết Cửa khẩu nằm trên biên giới Việt- Lào là?

A. Xà Xía. **B.** Lào Cai. **C.** Cầu Treo. **D.** Mộc Bài.

Câu 27: Đây là cảng biển mở lối ra biển thuận lợi cho vùng Đông Bắc Cấm- Pu- Chia?

A. Cửa Lò. **B.** Hải Phòng. **C.** Nha Trang. **D.** Đà Nẵng.

Câu 28: Hạn chế nào không phải do hình dạng dài và hẹp của lãnh thổ Việt Nam mang lại?

- A. Giao thông Bắc- Nam tắc trở.
- B. Khoáng sản nước ta đa dạng, nhưng trữ lượng không lớn.
- C. Khí hậu phân hoá phức tạp.
- D. Việc bảo vệ an ninh và chủ quyền lãnh thổ khó khăn.

Câu 29: Vùng biển thuộc chủ quyền của Việt Nam trên biển Đông rộng khoảng? (triệu km²)

- A. 4,0. B. 2,0. C. 1,0. D. 3,0.

Câu 30: Nhờ tiếp giáp với biển Đông nên nước ta có?

- A. Khí hậu có 2 mùa rõ rệt. B. Thiên nhiên xanh tốt giàu sức sống.
- C. Nền nhiệt độ cao nhiều ánh nắng. D. Nhiều tài nguyên khoáng sản và sinh vật.

Câu 31: Điểm khác chủ yếu của Đồng bằng sông Hồng so với Đồng bằng sông Cửu Long là ở đồng bằng này có?

- A. Diện tích rộng hơn ĐBSCL.
- B. Hệ thống đê điều chia đồng bằng ra thành nhiều ô.
- C. Hệ thống kênh rạch chằng chịt.
- D. Thủy triều xâm nhập sâu gần như toàn bộ đồng bằng về mùa cạn

Câu 32: Nét nổi bật của địa hình vùng núi Đông Bắc là?

- A. Gồm các dãy núi song song và so le chạy theo hướng Tây Bắc – Đông.
- B. Có địa hình cao nhất cả nước.
- C. Địa hình núi thấp chiếm phần lớn diện tích.
- D. Có 3 mạch núi lớn hướng Tây Bắc – Đông Nam.

Câu 33: Sự khác nhau rõ nét giữa Trường Sơn Bắc và Trường Sơn Nam là?

- A. Vùng núi gồm các khối núi và cao nguyên.
- B. Địa hình cao hơn.
- C. Hướng núi vòng cung.

D. Tính bất đối xứng giữa 2 sườn rõ nét hơn.

Câu 34: Đất đai ở đồng bằng ven biển miền trung có đặc tính nghèo, nhiều cát ít phù sa, vì?

A. Trong sự hình thành đồng bằng, biển đóng vai trò chủ yếu.

B. Bị xói mòn, rửa trôi mạnh trong điều kiện mưa nhiều.

C. Đồng bằng nằm ở chân núi nhận nhiều sỏi, cát trôi xuống.

D. Các sông miền trung ngắn hẹp và rất nghèo phù sa.

Câu 35: Thuận lợi nào sau đây không phải là chủ yếu của thiên nhiên khu vực đồng bằng?

A. Là cơ sở để phát triển nông nghiệp nhiệt đới đa dạng hóa cơ cấu cây trồng.

B. Cung cấp các nguồn lợi khác như khoáng sản, lâm sản, thủy sản.

C. Là điều kiện thuận lợi để tập trung các khu công nghiệp, thành phố.

D. Thuận lợi cho phát triển cây công nghiệp lâu năm.

Câu 36: Dựa vào át lát địa lí trang 6-7, cho biết các cánh cung núi ở khu vực núi Đông Bắc có đặc điểm nào?

A. Mở rộng ở phía bắc và phía đông.

B. Mở rộng ở phía bắc và phía tây.

C. Mở rộng ở phía đông và phía nam.

D. Mở rộng ở phía nam và phía tây.

Câu 37: Cho bảng số liệu sau đây: *Sản lượng than, dầu thô và điện của Việt Nam*

Sản phẩm	1995	2000	2006	2010
Than (triệu tấn)	8,4	11,6	38,9	44,8
Dầu thô (triệu tấn)	7,6	16,3	17,2	15,0

Vẽ biểu đồ thích hợp nhất thể hiện tốc độ tăng trưởng sản lượng than, dầu thô, điện của nước ta trong giai đoạn 1995 – 2010 là?

A. Biểu đồ Tròn.

B. Biểu đồ Cột.

C. Biểu đồ Đường.

D. Biểu đồ Miền.

Câu 38: Nằm ở vị trí tiếp giáp giữa lục địa và đại dương, liền kề với 2 vành đai sinh khoáng nên Việt Nam có?

A. Nhiều tài nguyên nước quý giá.

B. Nhiều tài nguyên khoáng sản.

- C. Nhiều vùng tự nhiên trên lãnh thổ. D. Nhiều bão và lũ lụt hạn hán.

Câu 39: Quá trình chính trong sự hình thành và biến đổi địa hình nước ta hiện tại là

- A. Xâm thực-vận chuyển. B. Bồi tụ-vận chuyển.
C. Xâm thực – Bồi tụ. D. Bồi tụ - Xâm thực.

Câu 40: Cho bảng số liệu sau đây: Sản lượng cà phê nhân và khối lượng cà phê xuất khẩu qua một số năm?

(Đơn vị: nghìn tấn).

Năm	1980	1985	1990	1995	2000	2005
Sản lượng	8,4	12,3	92	218	802,5	752,1
Khối lượng xuất khẩu	4,0	9,2	89,6	248,1	733,9	912,7

Nhận xét nào sau đây không đúng với bảng số liệu trên?

- A. Sản lượng cà phê nhân và khối lượng cà phê xuất khẩu đều tăng.
B. Sản lượng cà phê nhân tăng và khối lượng cà phê xuất khẩu không tăng.
C. Sản lượng cà phê nhân ít hơn khối lượng cà phê xuất khẩu.
D. Sản lượng cà phê nhân tăng ít hơn khối lượng cà phê xuất khẩu.

ĐÁP ÁN

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
Đ.Á	D	C	D	A	A	B	D	A	C	C	B	B	A	C	C	C	D	A	D	A
Câu	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33	34	35	36	37	38	39	40
Đ.Á	B	A	B	A	B	C	D	B	C	B	B	C	D	A	D	A	C	B	C	B

2.9. Đề thi giữa học kì 1 môn Địa lý 12 - Số 9

TRƯỜNG THPT NGUYỄN CÔNG TRỨ

ĐỀ THI GIỮA HK1

NĂM HỌC: 2021-2022

MÔN: ĐỊA LÝ 12**Thời gian: 45 phút (không kể thời gian giao đề)****Câu 1: Cho bảng số liệu sau:**

Cơ cấu giá trị sản xuất công nghiệp theo thành phần kinh tế (Đơn vị %)

Thành phần kinh tế	Năm 1999	Năm 2008
Nhà nước	39,9	18,5
Ngoài Nhà nước	22,0	37,1
Khu vực có vốn đầu tư nước ngoài	38,1	44,4

a. Vẽ biểu đồ thể hiện cơ cấu giá trị sản xuất công nghiệp phân theo thành phần kinh tế của nước ta năm 1999 và năm 2008?

b. Nêu nhận xét sự chuyển dịch cơ cấu giá trị sản xuất công nghiệp phân theo thành phần kinh tế của nước ta năm 1999 và năm 2008?

Câu 2: Trình bày đặc điểm chung của địa hình nước ta?

Câu 3: Nêu những thế mạnh và hạn chế của thiên nhiên khu vực đồng bằng đối với sự phát triển kinh tế xã hội ở nước ta?

Câu 4: Dựa vào Át lát địa lí Việt Nam và kiến thức đã học em hãy:

Trình bày đặc điểm vùng núi Đông Bắc?

Kể tên các mỏ dầu đang khai thác ở bể Cửu Long?

Nêu phạm vi và ý nghĩa của lãnh hải và vùng đặc quyền kinh tế nước ta?

Học sinh được sử dụng Atlát địa lí Việt Nam

ĐÁP ÁN**Câu 1:**

a. Vẽ 2 biểu đồ hình tròn bán kính năm biểu đồ năm 1999 < năm 2008

b. Nhận xét:

- Từ năm 1999-2008, giá trị sản xuất công nghiệp của thành phần kinh tế của nước ta có sự thay đổi và chuyển biến theo hướng tích cực:
- Tỷ trọng thành phần kinh tế nhà nước có xu hướng giảm dần (giảm 21,4%)
- Tỷ trọng thành phần kinh tế ngoài nhà nước tăng mạnh năm 1999 (tăng 15,1%).
- Kế tiếp tỷ trọng thành phần kinh tế khu vực có vốn đầu tư nước ngoài tăng chậm (tăng 6,3%).

Câu 2:

Đặc điểm chung của địa hình nước ta

ĐH đồi núi chiếm phần lớn diện tích nhưng chủ yếu là đồi núi thấp

- Địa hình cao dưới 1000m chiếm 85%, núi cao chỉ có 1%.
- Đồng bằng chỉ chiếm 1/4 diện tích-đồi núi 3/4 diện tích.

Cấu trúc địa hình nước ta khá đa dạng

- Địa hình thấp dần từ Tây Bắc xuống Đông Nam
- Cấu trúc địa hình gồm 2 hướng chính:
 - Hướng TB - ĐN: vùng Tây Bắc và Trường Sơn Bắc
 - Hướng vòng cung: Vùng núi đông bắc và Trường Sơn Nam

Địa hình của vùng nhiệt đới ẩm gió mùa

Địa hình chịu tác động mạnh mẽ của con người

Câu 3:

Những thế mạnh và hạn chế của thiên nhiên khu vực đồng bằng đối với sự phát triển kinh tế xã hội ở nước ta.

Thế mạnh:

- Thuận lợi cho phát triển nền nông nghiệp nhiệt đới đa dạng, với nhiều loại nông sản có giá trị xuất khẩu cao.
- Cung cấp các nguồn lợi thiên nhiên khác như: thủy sản, khoáng sản, lâm sản.
- Thuận lợi cho phát triển nơi cư trú của dân cư, phát triển các thành phố, khu công nghiệp...
- Phát triển GTVT đường bộ, đường sông.

Hạn chế: Bão, lũ lụt, hạn hán... thường xảy ra, gây thiệt hại lớn về người và tài sản.

Câu 4:

Trình bày đặc điểm của vùng núi Đông Bắc:

- Giới hạn: Nằm phía Đông thung lũng sông Hồng.
- Địa hình: chủ yếu là đồi núi thấp.
- Hướng núi: vòng cung (4 cánh cung lớn mở rộng về phía bắc và đông chụm lại ở Tam Đảo)
- Hướng nghiêng: Tây Bắc- Đông Nam

Kể tên các mỏ dầu đang khai thác ở bể Cửu Long: Hồng Ngọc, Rồng, Bạch Hổ, Rạng Đông

Nêu phạm vi và ý nghĩa của lãnh hải, vùng đặc quyền kinh tế

- Lãnh hải: Phạm vi: từ đường cơ sở ra 12 hải lí.
- Ý nghĩa: là vùng biển thuộc chủ quyền quốc gia trên biển, ranh giới của lãnh hải chính là đường biên giới quốc gia trên biển.
- Vùng đặc quyền kinh tế:
 - Phạm vi: là vùng biển rộng 200 hải lí tính từ đường cơ sở.
 - Ý nghĩa: Ở vùng này nước ta có chủ quyền hoàn toàn về kinh tế...

2.10. Đề thi giữa học kì 1 môn Địa lý 12 - Số 10**TRƯỜNG THPT LÊ TRUNG KIÊN****ĐỀ THI GIỮA HK1****NĂM HỌC: 2021-2022****MÔN: ĐỊA LÝ 12****Thời gian: 45 phút (không kể thời gian giao đề)****Câu 1.** Khu vực đồi núi có địa hình cao nhất nước ta là:

- A. Đông Bắc
- B. Tây Bắc
- C. Trường Sơn Bắc
- D. Trường Sơn Nam

Câu 2. Diện tích rừng giảm, ô nhiễm môi trường (nhất là môi trường nước), đánh bắt bừa bãi là những nguyên nhân chính gây nên sự

- A. Nhiều loài bị tuyệt chủng
- B. Nhiều loài có nguy cơ tuyệt chủng
- C. Các kiểu hệ sinh thái bị giảm sút
- D. Suy giảm đa dạng sinh học

Câu 3. Các loại gió chính hoạt động ở nước ta là

- A. Gió Mùa và Gió Tín Phong
- B. Gió mùa Tây Nam và Gió Mậu Dịch
- C. Gió Tín phong và Gió mùa Tây Nam
- D. Gió Mùa Đông Bắc và Gió mùa Tây Nam

Câu 4. Loại gió gây khô nóng ở Đông Trường Sơn là

- A. Gió Đông Bắc
- B. Gió Tây khô nóng (gió Lào)
- C. Gió Tây Nam
- D. Gió Tín phong

Câu 5. Dựa vào Atlas Địa Lí Việt Nam trang 10. Cho biết Sông Sài Gòn đổ ra biển qua cửa nào sau đây

- A. Cửa Đại
- B. Cửa Ba Lai
- C. Cửa Tiểu
- D. Cửa Soi Rạp (Soài Rạp)

Câu 6. Dựa vào Atlas Địa Lí Việt Nam trang 13. Cho biết tên các cao nguyên đá vôi của vùng Tây Bắc

- A. CN Sơn La, CN Lai Châu, CN Mộc Châu, CN Sín Chải
- B. CN Tà phình, CN Sín Chải, CN Sơn La, CN Mộc Châu
- C. CN Mộc Châu, CN Lai Châu, CN Tà Phình, CN Sơn La

D. CN Tà Phình, CN Lai Châu, CN Mộc Châu, CN Sơn La

Câu 7. Tây Nguyên có một mùa khô là do

- A.** Gió Tín Phong **B.** Gió Tây nam
C. Gió Lào **D.** Gió Tín Phong bị biến tính

Câu 8. Chế độ mưa có ảnh hưởng như thế nào đến chế độ nước sông

- A.** Nhiều nước, giàu phù sa **B.** Điều hòa
C. Chế độ nước theo mùa **D.** Thất thường

Câu 9. Nhiệt độ trung bình năm của phần lãnh thổ phía Bắc là

- A.** Trên 20°C **B.** Trên 25°C **C.** Dưới 25°C **D.** Dưới 20°C

Câu 10. Dựa vào Atlas Địa Lí Việt Nam trang 9. Cho biết ở nước ta bão hoạt động mạnh nhất vào tháng nào sau đây

- A.** Tháng 6 **B.** Tháng 9 **C.** Tháng 8 **D.** Tháng 7

Câu 11. Diện tích rừng ngập mặn của nước ta là

- A.** 405.000 ha **B.** 504.000 ha **C.** 540.000 ha **D.** 450.000 ha

Câu 12. Cho bảng số liệu: Lượng mưa trung bình tại hai địa điểm

Địa điểm	Lượng mưa (mm)	Lượng bốc hơi (mm)	Cân bằng ẩm (mm)
Hà Nội	1676	989	687
TP. Hồ Chí Minh	1931	1686	245

Thành phố Hồ Chí Minh có lượng mưa cao hơn Hà Nội vì

- A.** Do nằm ven Biển và mưa bão cùng với dải hội tụ nhiệt đới
B. Giáp Biển, nhận trực tiếp gió Mùa Tây Nam, hoạt động của dải hội tụ nhiệt đới
C. Có nhiều sườn núi đón gió, gần xích đạo, hoạt động của dải hội tụ nhiệt đới
D. Do hoạt động của dải hội tụ nhiệt đới, đón gió Mùa Đông Bắc

Câu 13. Vì sao địa hình đồi núi ở nước ta bị xâm thực mạnh mẽ

- A.** Mưa nhiều, quá trình phong hóa mạnh **B.** Mưa nhiều, mất lớp phủ thực vật
C. Địa hình có độ cao và độ dốc lớn, nền nhiệt ẩm cao
D. Mất lớp phủ thực vật, dòng chảy mạnh

Câu 14. Đồ bộ trực tiếp vào nước ta làm thiệt hại nặng nề về người và tài sản đó là

- A.** Cát bay **B.** Bão **C.** Sạt lở bờ biển **D.** Gió Lào

Câu 15. Dựa vào Atlas Địa Lí Việt Nam trang 9. Cho biết tên các vùng khí hậu của Miền khí hậu phía Nam

- A.** Vùng khí hậu Nam Trung bộ, vùng khí hậu Tây Bắc Bộ
B. Vùng khí hậu Tây Nguyên, Vùng khí hậu Nam Bộ

C. Vùng khí hậu Nam Bộ, vùng khí hậu Đông Bắc Bộ

D. Vùng khí hậu Nam Trung bộ, Vùng khí hậu Tây Nguyên, Vùng khí hậu Nam Bộ

Câu 16. Sông ngắn dốc, nước lên xuống nhanh, sông có hướng Tây Đông và hướng Tây Bắc Đông Nam là đặc điểm của sông ngòi khu vực

A. Trường Sơn Bắc B. Trường Sơn Nam C. Tây Bắc D. Đông Bắc

Câu 17. Dựa vào Atlas Địa Lí Việt Nam trang 14. Cho biết đỉnh LangBiang nằm trên cao nguyên nào sau đây

A. Di Linh B. Lâm Viên C. Mơ Nông D. Đắc Lắc

Câu 18. Các dạng địa hình: Bờ biển mài mòn, các tam giác châu, các vịnh nước sâu... Ở vùng ven biển là do quá trình:

A. Phong hóa B. Bóc mòn C. Xâm thực và bồi tụ D. Bồi tụ

Câu 19. Dãy Bạch Mã là ranh giới tự nhiên của khu vực địa hình nào?

A. Phần lãnh thổ phía Bắc và phần lãnh thổ phía Nam

B. Trường Sơn Bắc và Trường Sơn Nam

C. Bắc Trung Bộ và Nam Trung Bộ

D. Huế và Đà Nẵng

Câu 20. Dựa vào Atlas Địa Lí Việt Nam trang 13. Các cánh cung Sông Gâm, Ngân Sơn, Bắc Sơn, Đông Triều thuộc khu vực đồi núi vùng

A. Đông Bắc B. Trường Sơn Nam C. Trường Sơn Bắc D. Tây Bắc

Câu 21. Dựa vào Atlas Địa Lí Việt Nam trang 9. Cho biết gió mùa mùa Hạ có hướng nào sau đây

A. Đông Bắc B. Tây Bắc C. Tây Nam D. Đông Nam

Câu 22. Nguyên nhân gây mưa lớn cho Nam Bộ và Tây Nguyên vào thời kỳ đầu mùa hạ là do ảnh hưởng của khối khí

A. Khối khí lạnh phương Bắc B. Bắc Ấn Độ Dương

C. Cận chí tuyến Bán cầu Bắc D. Cận chí tuyến Bán cầu Nam

Câu 23. Do nước ta nằm hoàn toàn trong vùng nhiệt đới Bán cầu Bắc, nên

A. Chịu ảnh hưởng sâu sắc của Biển B. Có nhiều tài nguyên sinh vật quý giá

C. Khí hậu có 4 mùa rõ rệt D. Có nền nhiệt độ cao

Câu 24. Các sản phẩm của tự nhiên do quá trình phong hóa mạnh ở miền núi đá vôi là dạng địa hình

A. Cacxto B. Mài mòn C. Thổi mòn D. Xâm thực

Câu 25. Đặc điểm địa hình vùng núi Đông Bắc

A. Địa hình cao nhất nước, hướng núi Tây Bắc Đông Nam

B. Địa hình gồm các khối núi và cao nguyên, hướng núi vòng cung

C. Núi có độ cao trung bình, hướng núi hình cánh cung

D. Địa hình cao ở hai đầu, thấp ở giữa, hướng núi Tây Bắc Đông Nam

Câu 26. Cho bảng số liệu: Nhiệt độ trung bình năm tại một số địa điểm

Địa điểm	Lạng Sơn	Hà Nội	Huế	Đà Nẵng	Quy Nhơn	TP. Hồ Chí Minh
Nhiệt độ TB (°C)	21,2	23,5	25,1	25,7	26,8	27,1

Từ đó rút ra kết luận: Nhiệt độ trung bình năm tại các địa điểm từ Huế trở ra Bắc và từ Đà Nẵng trở vào Nam lần lượt là

- A. Trên 20°C và trên 25°C
- B. Trên 20°C và dưới 25°C
- C. Dưới 20°C và dưới 25°C
- D. Dưới 20°C và trên 25°C

Câu 27. Sách đỏ Việt Nam là:

- A. Danh sách các loài động vật, thực vật hoang dã bị giảm sút
- B. Danh sách các loại động vật, thực vật quý hiếm
- C. Danh sách các loài động vật, thực vật ở Việt Nam thuộc loài quý hiếm đang bị giảm sút số lượng hoặc có nguy cơ tuyệt chủng
- D. Danh sách các loài động thực vật bị tuyệt chủng

Câu 28. Dựa vào Atlas Địa Lí Việt Nam trang 11. Cho biết diện tích đất mặn ở nước ta tập trung chủ yếu ở đồng bằng nào sau đây

- A. Đồng bằng Duyên hải Nam Trung Bộ
- B. Đồng bằng Sông Hồng
- C. Đồng bằng Bắc Trung Bộ
- D. Đồng bằng Sông Cửu Long

Câu 29. Rừng ngập mặn Cần Giờ ở TP. Hồ Chí Minh là:

- A. Rừng đặc dụng
- B. Rừng mới phục hồi
- C. Rừng phòng hộ
- D. Rừng sản xuất

Câu 30. Địa hình tương phản, núi cao ở phía Đông, phía Tây là các cao nguyên bazan tương đối bằng phẳng thuộc khu vực

- A. Đông Bắc
- B. Tây Bắc
- C. Trường Sơn Bắc
- D. Trường Sơn Nam

Câu 31. Nhận định chưa chính xác về đồng bằng ven biển Miền Trung

- A. Được hình thành chủ yếu bởi Biển
- B. Đất phù sa màu mỡ
- C. Đất nhiều cát, ít phù sa
- D. Hẹp ngang, bị chia cắt thành nhiều đồng bằng nhỏ

Câu 32. Dựa vào Atlas Địa Lí Việt Nam trang 13. Các dãy núi Hoàng Liên Sơn, Pu Đen Đinh, Pu Sam Sao, Hoàng Sơn, Bạch Mã có hướng nào sau đây

A. Tây Bắc **B.** Tây Đông **C.** Tây Bắc Đông Nam **D.** Vòng cung

Câu 33. "Sống chung với lũ" là câu nói thường dùng chỉ hoạt động kinh tế ở vùng nào?

A. Đồng bằng Sông Cửu Long **B.** Đồng bằng Duyên Hải Miền Trung

C. Đông Nam Bộ **D.** Đồng bằng Sông Hồng

Câu 34. Khoáng sản có giá trị nhất của vùng Biển nước ta là

A. Cát **B.** Muối **C.** Titan **D.** Dầu khí

Câu 35. Dựa vào Atlas Địa Lí Việt Nam trang 13. Cho biết độ cao của đỉnh núi Phanxipăng

A. 3413 m **B.** 3143 m **C.** 3314 m **D.** 3134 m

Câu 36. Khu vực nào sau đây chịu ảnh hưởng mạnh nhất của gió Mùa mùa Đông

A. Hoàng Liên Sơn **B.** Tây Bắc

C. Đồng Bằng Sông Hồng **D.** Đông Bắc

Câu 37. Dựa vào Atlas Địa Lí Việt Nam trang 10. Cho biết tên diện tích lưu vực sông lớn nhất nước ta

A. Sông Đồng Nai **B.** Sông Mê Kong (Việt nam)

C. Sông Hồng **D.** Sông Thái Bình

Câu 38. Cho bảng số liệu sau: Diện tích rừng Việt nam giai đoạn 1943 -2005

Năm	Tổng diện tích có rừng (triệu ha)	Diện tích rừng tự nhiên (triệu ha)	Diện tích rừng trồng (triệu ha)	Độ che phủ (%)
1943	14,3	14,3	0	43,0
1983	7,2	6,8	0,4	22,0
2005	12,7	10,2	2,5	38,0

Nhận xét nào đúng với bảng số liệu trên

A. Diện tích rừng nước ta thời kỳ 1943 - 2005 có sự biến động

B. Diện tích rừng nước ta thời kỳ 1943 - 2005 luôn giảm

C. Diện tích rừng nước ta thời kỳ 1943 - 2005 ổn định

D. Diện tích rừng nước ta thời kỳ 1943 - 2005 luôn tăng

Câu 39. Dựa vào Atlas Địa Lí Việt Nam trang 11. Cho biết nhóm đất chiếm diện tích lớn nhất nước ta là

A. Nhóm đất phù sa **B.** Nhóm đất khác

C. Nhóm đất xám **D.** Nhóm đất feralit

Câu 40. Dựa vào Atlas Địa Lí Việt Nam trang 4 và 5. Cho biết nơi bắt đầu và kết thúc của đường bờ biển nước ta

A. Từ Móng Cái (Quảng Ninh) đến Hà Tiên (Kiên Giang)

B. Từ Quảng Ninh đến Kiên Giang

C. Từ Quảng Ninh đến Cà Mau

D. Từ Móng Cái (Quảng Ninh) đến Xóm Mũi (Cà mau)

ĐÁP ÁN

1B	2D	3A	4B	5D	6B	7D	8C	9A	10B
11D	12B	13C	14B	15D	16A	17B	18C	19B	20A
21C	22B	23D	24A	25C	26A	27C	28D	29C	30D
31B	32A	33A	34D	35B	36D	37C	38A	39D	40A